

QUYẾT ĐỊNH

Về việc miễn, giảm học phí học kỳ II năm học 2019 - 2020
cho sinh viên hệ chính quy các khóa 14, 15, 16, 17

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC

Căn cứ Quyết định số 1901/QĐ-TTg ngày 23/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Khoa học trực thuộc Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 2424/QĐ-ĐHTN ngày 22/10/2015 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Đại học Thái Nguyên, các cơ sở giáo dục đại học thành viên và đơn vị trực thuộc;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 30/03/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Tài chính - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 - 2021;

Căn cứ biên bản cuộc họp số 13/BB-HĐCĐCS ngày 27/04/2020 của Hội đồng xét duyệt chế độ chính sách cho sinh viên các khóa 14, 15, 16, 17 trong học kỳ II năm học 2019 - 2020;

Xét đề nghị của Trường phòng Công tác HSSV,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Miễn học phí cho 512 sinh viên, giảm 70% học phí cho 427 sinh viên và giảm 50% học phí cho 11 sinh viên các khóa 14, 15, 16, 17 hệ chính quy trong học kỳ II năm học 2019 - 2020 (có danh sách và bảng tổng hợp kèm theo).

Tổng số tiền chi 5 tháng (từ tháng 01 năm 2020 đến tháng 5 năm 2020) theo quyết định là: **3.754.785.000** (số tiền bằng chữ: Ba tỷ bảy trăm năm mươi bốn triệu bảy trăm tám mươi lăm nghìn đồng).

Điều 2. Các ông (bà) Trường phòng Công tác HSSV, Kế toán trưởng, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và các sinh viên có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: *Tân*

- Ban Giám hiệu (báo cáo);
- Như Điều 2 (thực hiện);
- Voffice, Website;
- Lưu: VT, CT HSSV.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Phạm Thị Phương Thái

BẢNG TỔNG HỢP MIỄN GIẢM HỌC PHÍ HỌC KỲ II NĂM HỌC 2019-2020

(Kèm theo Quyết định số: 299/QĐ-ĐHKH, ngày 20 tháng 5 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học)

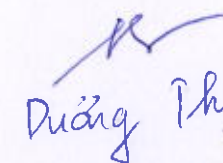
Đơn vị tính: Đồng

TT	Nội dung	Khóa 14			Khóa 15			Khóa 16			Khóa 17			Tổng số	
		Số lượng	Số tiền HP/tháng (NĐ86)	Số tiền/1HK	Số lượng	Số tiền HP/tháng (NĐ86)	Số tiền/1HK	Số lượng	Số tiền HP/tháng (NĐ86)	Số tiền/1HK	Số lượng	Số tiền HP/tháng (NĐ86)	Số tiền/1HK	Số lượng (SV)	Số tiền
1	Sinh viên miễn 100%	196		880.700.000	132		600.150.000	113		524.100.000	71		338.050.000	512	2.343.000.000
	Ngành KHTN	10	1.060.000	53.000.000	15	1.060.000	79.500.000	25	1.060.000	132.500.000	26	1.060.000	137.800.000	76	402.800.000
	Ngành KHXXH	186	890.000	827.700.000	117	890.000	520.650.000	88	890.000	391.600.000	45	890.000	200.250.000	436	1.940.200.000
2	Sinh viên giảm 70%	157		500.360.000	100		319.235.000	107		356.510.000	63		209.930.000	427	1.386.035.000
	Ngành KHTN	19	742.000	70.490.000	13	742.000	48.230.000	39	742.000	144.690.000	23	742.000	85.330.000	94	348.740.000
	Ngành KHXXH	138	623.000	429.870.000	87	623.000	271.005.000	68	623.000	211.820.000	40	623.000	124.600.000	333	1.037.295.000
3	Sinh viên giảm 50%	4		9.325.000	4		9.325.000	2		4.450.000	1		2.650.000	11	25.750.000
	Ngành KHTN	1	530.000	2.650.000	1	530.000	2.650.000	-	530.000	-	1	530.000	2.650.000	3	7.950.000
	Ngành KHXXH	3	445.000	6.675.000	3	445.000	6.675.000	2	445.000	4.450.000		445.000	-	8	17.800.000
Tổng cộng		357		1.390.385.000	236		928.710.000	222		885.060.000	135		550.630.000	950	3.754.785.000

Số tiền bằng chữ: Ba tỷ bảy trăm năm mươi bốn triệu bảy trăm tám mươi lăm nghìn đồng./.

Thái Nguyên, ngày tháng 5 năm 2020

NGƯỜI LẬP BIỂU


Dương Thị Bui

DANH SÁCH SINH VIÊN K 14, 15, 16, 17 ĐƯỢC MIỄN HỌC PHÍ HỌC KỲ II NĂM HỌC 2019 - 2020
(Kèm theo Quyết định số 299/QĐ-ĐHKH, ngày 20 tháng 5 năm 2020 của Hiệu trưởng trường Đại học Khoa học)

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ ĐỆM	TÊN	NGÀY SINH	DÂN TỘC	LỚP VÀ KHÓA HỌC	ĐỐI TƯỢNG	Số tiền /tháng	Số tháng	Thành tiền
1	DTZ1652203100001	Hùng Thị	Ngân	25/09/1998	Pà then	Lịch Sử - K14	Dân tộc rất ít người ở vùng khó khăn	890.000	5	4.450.000
2	DTZ1652202010008	Ma Văn	Thiên	22/09/1998	Tày	Tiếng Anh DL - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
3	DTZ1652202010023	Nông Thế	Vũ	06/11/1997	Tày	Tiếng Anh DL - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	890.000	5	4.450.000
4	DTZ1752220201002	Đình Thị	Lệ	05/10/1999	Thái	Tiếng Anh DL - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
5	DTZ1752220201014	Hoàng Diệu	Lan	15/12/1999	Nùng	Tiếng Anh DL - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
6	DTZ1752220201026	Lộc Thị	Loan	26/04/1998	Giáy	Tiếng Anh DL - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
7	DTZ1857220201005	Dương Thị	Dung	06/01/2000	Hơ mông	Tiếng Anh DL - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
8	DTZ1857220201022	Nông Thị Bích	Nhạc	23/11/2000	Nùng	Tiếng Anh DL - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
9	DTZ1957220201014	Hứa Thị	Diệu	25/05/2001	Nùng	Tiếng Anh DL - K17	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
10	DTZ1957220201026	Trương Văn	Đồng	27/12/2001	Mông	Tiếng Anh DL - K17	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	890.000	5	4.450.000
11	DTZ1957220201016	Phản Sào	Mạnh	05/03/2001	Dao	Tiếng Anh DL - K17	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
12	DTZ1957220201023	Thào Thị	Thúy	25/09/1999	Hơ mông	Tiếng Anh DL - K17	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	890.000	5	4.450.000
13	DTZ1957220201042	Nùng Thị	Thơm	09/03/2000	Nùng	Tiếng Anh DL - K17	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	890.000	5	4.450.000
14	DTZ1957510401006	Sùng A	Ba	08/04/2001	Mông	CoN KT Hóa học - K17	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	1.060.000	5	5.300.000
15	DTZ1957510401003	Luân Văn	Hiếu	14/05/2001	Nùng	CoN KT Hóa học - K17	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	1.060.000	5	5.300.000
16	DTZ1957510401004	Vũ Văn	Tùng	29/01/2001	Kinh	CoN KT Hóa học - K17	Sinh viên tàn tật thuộc Hộ nghèo	1.060.000	5	5.300.000
17	DTZ1657204030007	Nông Thị	Hằng	22/01/1998	Tày	Hóa dược - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	1.060.000	5	5.300.000
18	DTZ1857720203008	Hoàng Thị	Duyên	23/10/2000	Sán Chí	Hóa dược - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	1.060.000	5	5.300.000
19	DTZ1657601010039	Giảng Xe	Bư	26/03/1998	Hà nhĩ	Công tác XH A - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
20	DTZ1657601010053	Lò Thị	Cảnh	14/08/1998	Thái	Công tác XH A - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	890.000	5	4.450.000
21	DTZ1657601010047	Bùi Văn	Chiên	25/08/1998	Mường	Công tác XH A - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
22	DTZ1657601010135	Giảng A	Chu	27/07/1998	Mông	Công tác XH A - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
23	DTZ1657601010042	Lương Thị	Chuyên	23/05/1998	Tày	Công tác XH A - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	890.000	5	4.450.000
24	DTZ1657601010036	Lò Mi	Đe	20/12/1998	Hà nhĩ	Công tác XH A - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
25	DTZ1657601010062	Vừ A	Đia	10/06/1998	Hơ mông	Công tác XH A - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	890.000	5	4.450.000
26	DTZ1657601010010	Lý Thị	Đông	05/09/1998	Thái	Công tác XH A - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
27	DTZ1653801010489	Lý Ky	Dư	21/07/1998	La hủ	Công tác XH A - K14	Dân tộc rất ít người ở vùng đặc biệt KK	890.000	5	4.450.000

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ ĐỆM	TÊN	NGÀY SINH	DÂN TỘC	LỚP VÀ KHÓA HỌC	ĐỐI TƯỢNG	Số tiền /tháng	Số tháng	Thành tiền
28	DTZ1657601010063	Lò Thị	Hà	17/09/1998	Thái	Công tác XH A - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
29	DTZ1657601010052	Nông Thị Hồng	Linh	04/05/1997	Tày	Công tác XH A - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
30	DTZ1657601010131	Ly A	Lừ	06/02/1995	Hơ mông	Công tác XH A - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
31	DTZ1657601010133	Hoàng Anh	Lương	19/05/1997	Tày	Công tác XH A - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
32	DTZ1657601010022	Dương Thị	Mai	01/11/1998	Mông	Công tác XH A - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
33	DTZ1657601010014	Nông Thị	Nguyệt	15/05/1998	Nùng	Công tác XH A - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
34	DTZ1657601010031	Chánh Thị	Nhúm	02/06/1998	Nùng	Công tác XH A - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	890.000	5	4.450.000
35	DTZ1657601010137	Vàng Thị	Phía	08/03/1998	Hơ mông	Công tác XH A - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
36	DTZ1657601010071	Phùng Quang	Phương	10/11/1998	Dao	Công tác XH A - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	890.000	5	4.450.000
37	DTZ1657601010077	Hồ A	Sang	13/11/1997	Hơ mông	Công tác XH A - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
38	DTZ1657601010020	Giảng A	Sêng	21/07/1996	Mông	Công tác XH A - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	890.000	5	4.450.000
39	DTZ1657601010024	Điền Chính	Son	05/06/1998	Thái	Công tác XH A - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	890.000	5	4.450.000
40	DTZ1657601010065	Ly A	Su	05/06/1994	Hơ mông	Công tác XH A - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
41	DTZ1657601010018	Ma Thị	Tâm	12/04/1997	Tày	Công tác XH A - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	890.000	5	4.450.000
42	DTZ1657601010011	Quan Thị	Thị	27/04/1998	Tày	Công tác XH A - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	890.000	5	4.450.000
43	DTZ1657601010040	Nông Thị	Thoa	16/05/1998	Tày	Công tác XH A - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	890.000	5	4.450.000
44	DTZ1657601010008	Hoàng Thị	Trà	16/10/1997	Tày	Công tác XH A - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
45	DTZ1657601010033	Lý Văn	Tuấn	16/09/1998	Dao	Công tác XH A - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
46	DTZ1657601010016	Sùng Thị	Vi	05/06/1997	Mông	Công tác XH A - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	890.000	5	4.450.000
47	DTZ1657601010009	Ly Phi	Xạ	15/04/1998	La hủ	Công tác XH A - K14	Dân tộc rất ít người ở vùng đặc biệt KK	890.000	5	4.450.000
48	DTZ1657601010079	Mua Mí	Cáy	17/08/1997	Mông	Công tác XH B - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	890.000	5	4.450.000
49	DTZ1657601010120	Lò Thị	Châm	01/01/1997	Thái	Công tác XH B - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	890.000	5	4.450.000
50	DTZ1657601010111	Hạng A	Chính	04/03/1998	Hơ mông	Công tác XH B - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
51	DTZ1657601010069	Vàng Thị	Chứ	07/04/1998	Hơ mông	Công tác XH B - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
52	DTZ1657601010126	Lò Mạnh	Cường	15/05/1998	Thái	Công tác XH B - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
53	DTZ1657601010100	Lý Chà	Diện	27/05/1998	Sì la	Công tác XH B - K14	Dân tộc rất ít người ở vùng đặc biệt KK	890.000	5	4.450.000
54	DTZ1657601010081	Hàng A	Do	15/02/1997	Hơ mông	Công tác XH B - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
55	DTZ1657601010080	Hoàng Văn	Hiển	09/01/1998	Nùng	Công tác XH B - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
56	DTZ1657601010086	Lương Thị	Hiệu	26/11/1997	Tày	Công tác XH B - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	890.000	5	4.450.000
57	DTZ1657601010085	Cam Thị	Hương	13/11/1997	Tày	Công tác XH B - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
58	DTZ1657601010083	Vàng Văn	Hoàng	23/05/1998	Thái	Công tác XH B - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	890.000	5	4.450.000
59	DTZ1657601010110	Bùi Văn	Khải	20/11/1998	Mường	Công tác XH B - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	890.000	5	4.450.000
60	DTZ1657601010109	Lý Mỹ	Lan	18/08/1998	Hà nhĩ	Công tác XH B - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
61	DTZ1657601010088	Sùng Mí	Ly	22/10/1996	Mông	Công tác XH B - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	890.000	5	4.450.000

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ ĐỆM	TÊN	NGÀY SINH	DÂN TỘC	LỚP VÀ KHÓA HỌC	ĐỐI TƯỢNG	Số tiền /tháng	Số tháng	Thành tiền
62	DTZ1657601010108	Giảng Thị	Mai	23/09/1996	Hơ mông	Công tác XII B - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
63	DTZ1657601010114	Cùng Thị	Mơ	08/04/1998	Pu péc	Công tác XII B - K14	Dân tộc rất ít người ở vùng đặc biệt KK	890.000	5	4.450.000
64	DTZ1657601010119	Thảo Mì	Nam	22/06/1998	Hơ mông	Công tác XII B - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
65	DTZ1657601010087	Trần Thị	Nhung	07/07/1997	Hơ mông	Công tác XII B - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
66	DTZ1657601010076	Lý Khò	Nu	06/11/1998	Hà nhĩ	Công tác XII B - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
67	DTZ1657601010094	Điền Văn	Son	18/01/1998	Thái	Công tác XII B - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	890.000	5	4.450.000
68	DTZ1657601010082	Phản A	Thanh	07/10/1995	Dao	Công tác XII B - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
69	DTZ1657601010101	Hứa Thị	Uyên	26/02/1998	Nùng	Công tác XII B - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
70	DTZ1752760101054	Chu Gió	Cà	27/07/1999	Hà nhĩ	Công tác XII - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
71	DTZ1752760101002	Triệu Thị	Chuồng	20/08/1998	Dao	Công tác XII - K15	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	890.000	5	4.450.000
72	DTZ1752760101026	Sùng A	Chư	07/09/1998	Hơ mông	Công tác XII - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
73	DTZ1752760101078	Chư A	Cu	13/10/1998	Mông	Công tác XII - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
74	DTZ1752760101062	Giảng A	Dểnh	05/06/1999	Mông	Công tác XII - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
75	DTZ1752760101037	Giảng A	Di	06/03/1999	Mông	Công tác XII - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
76	DTZ1752760101061	Thảo A	Di	15/12/1999	Hơ mông	Công tác XII - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
77	DTZ1752760101068	Giảng A	Đông	12/07/1998	Hơ mông	Công tác XII - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
78	DTZ1752760101005	Lý Văn	Duy	30/06/1998	Dao	Công tác XII - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
79	DTZ1752760101014	Lầu Thị	Dung	20/09/1997	Hơ mông	Công tác XII - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
80	DTZ1752760101047	Phản Xuân	Hải	02/03/1999	Dao	Công tác XII - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
81	DTZ1752760101003	Lầu A	Hành	30/06/1998	Mông	Công tác XII - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
82	DTZ1752760101081	Lý Thu	Hiền	29/09/1998	Hà nhĩ	Công tác XII - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
83	DTZ1752760101028	Tần Mì	Hồng	19/08/1999	Dao	Công tác XII - K15	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	890.000	5	4.450.000
84	DTZ1752760101052	Giảng A	Hùa	25/11/1999	Mông	Công tác XII - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
85	DTZ1752760101082	Nguyễn Thị	Mai	04/02/1999	Tày	Công tác XII - K15	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	890.000	5	4.450.000
86	DTZ1752760101024	Lý Mỏ	Nu	06/10/1999	Hà nhĩ	Công tác XII - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
87	DTZ1752760101031	Dàm Văn	Sáng	01/01/1999	Nùng	Công tác XII - K15	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	890.000	5	4.450.000
88	DTZ1752760101012	Dinh Thị	Say	19/05/1998	Mông	Công tác XII - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
89	DTZ1752760101057	Thảo A	Sinh	03/10/1997	Mông	Công tác XII - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
90	DTZ1752760101043	Vàng Thị	Sua	28/01/1999	Mông	Công tác XII - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
91	DTZ1752760101045	Hoàng Thị	Thắm	15/08/1999	Tày	Công tác XII - K15	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	890.000	5	4.450.000
92	DTZ1752760101072	Hoàng Văn	Thành	04/09/1999	Hơ mông	Công tác XII - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
93	DTZ1752760101071	Sùng Seo	Thẻ	20/10/1999	Mông	Công tác XII - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
94	DTZ1752760101025	Luân Thùy	Trang	24/06/1999	Nùng	Công tác XII - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
95	DTZ1752760101076	Lý A	Tử	17/10/1999	Hà nhĩ	Công tác XII - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ ĐỆM	TÊN	NGÀY SINH	DÂN TỘC	LỚP VÀ KHÓA HỌC	ĐỐI TƯỢNG	Số tiền /tháng	Số tháng	Thành tiền
96	DTZ1752760101046	Giàng A	Tú	02/02/1999	Hơ mông	Công tác XII - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
97	DTZ1752760101004	Phượng Thị	Vân	30/07/1999	Dao	Công tác XI - K15	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	890.000	5	4.450.000
98	DTZ1752760101030	Tòng Thị	Việt	25/07/1999	Thái	Công tác XI - K15	Mồ côi cha mẹ	890.000	5	4.450.000
99	DTZ1752760101060	Lò Lèn	Xó	16/08/1998	Hà nhĩ	Công tác XI - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
100	DTZ1857760101045	Vàng Thị	Bầu	24/05/2000	Mông	Công tác XI - K16	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	890.000	5	4.450.000
101	DTZ1857760101004	Sông Thị	Chia	15/07/2000	Mông	Công tác XI - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
102	DTZ1857760101009	Đàm Thị	Hằng	06/10/2000	Tày	Công tác XI - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
103	DTZ1857760101010	Tráng Thị	Hạnh	25/06/2000	Nùng	Công tác XI - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
104	DTZ1857760101011	Hoàng Thị	Hào	24/06/1999	Nùng	Công tác XI - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
105	DTZ1857760101013	Lý A	Hồ	20/02/1999	Hơ mông	Công tác XI - K16	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	890.000	5	4.450.000
106	DTZ1857760101046	Bàn Thị	Hương	14/07/2000	Dao	Công tác XI - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
107	DTZ1857760101017	Mùa A	Khai	27/02/2000	Mông	Công tác XI - K16	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	890.000	5	4.450.000
108	DTZ1857760101018	Vì Thị	Lệ	25/02/2000	Tày	Công tác XI - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
109	DTZ1857760101048	Ma Tôn	Liều	28/01/1999	Tày	Công tác XI - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
110	DTZ1857760101020	Sùng A	Minh	09/04/1999	Hơ mông	Công tác XI - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
111	DTZ1857760101021	Pờ Khừ	Mư	12/03/2000	Hà nhĩ	Công tác XI - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
112	DTZ1857760101022	Nông Thị Hà	Mỹ	21/10/2000	Tày	Công tác XI - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
113	DTZ1857760101023	Đàm Thị Cẩm	Na	09/02/2000	Tày	Công tác XI - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
114	DTZ1857760101025	Mùa A	Nu	09/09/1999	Mông	Công tác XI - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
115	DTZ1857760101027	Vì Thị	Pàng	05/04/2000	Mông	Công tác XI - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
116	DTZ1857760101029	Trang Thị	Phánh	01/09/2000	Hơ mông	Công tác XI - K16	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	890.000	5	4.450.000
117	DTZ1857760101030	Mùa Thị Thu	Phương	03/01/2000	Mông	Công tác XI - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
118	DTZ1857760101033	Lương Thị	Quyên	21/10/2000	Thái	Công tác XI - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
119	DTZ1857760101034	Sùng A	Sinh	10/03/2000	Hơ mông	Công tác XI - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
120	DTZ1857760101035	Giàng Thị	Sung	05/03/1999	Mông	Công tác XI - K16	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	890.000	5	4.450.000
121	DTZ1857760101038	Giàng Thị	Thu	24/09/2000	Khơ mú	Công tác XI - K16	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	890.000	5	4.450.000
122	DTZ1857760101041	Triệu Quang	Tú	26/04/1998	Nùng	Công tác XI - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
123	DTZ1752760101402	Hà Công	Tuấn	08/11/2000	Thái	Công tác XI - K16	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	890.000	5	4.450.000
124	DTZ1752760101044	Sùng Phi	Xó	17/09/2000	Hà nhĩ	Công tác XI - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
125	DTZ1957760101022	Tần Xía	Dao	23/11/2000	Dao	Công tác XI - K17	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
126	DTZ1957760101020	Sùng Pó	De	18/08/2001	Hà nhĩ	Công tác XI - K17	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
127	DTZ1957760101025	Lù Xi	Mé	20/10/2001	Hà nhĩ	Công tác XI - K17	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
128	DTZ1957760101011	Hoàng Thị Hương	Nội	25/12/2001	Tày	Công tác XI - K17	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	890.000	5	4.450.000
129	DTZ1957760101023	Lý Ló	Pư	07/03/2001	Hà nhĩ	Công tác XI - K17	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000



STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ ĐỆM	TÊN	NGÀY SINH	DÂN TỘC	LỚP VÀ KHÓA HỌC	ĐỐI TƯỢNG	Số tiền /tháng	Số tháng	Thành tiền
130	DTZ1957760101010	Lý A	Súa	10/05/2001	Hơ mông	Công tác XH - K17	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	890.000	5	4.450.000
131	DTZ1957760101026	Nông Ngọc	Son	01/09/1998	Tày	Công tác XH - K17	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	890.000	5	4.450.000
132	DTZ1957760101018	Giảng A	Tằng	05/06/2000	Hơ mông	Công tác XH - K17	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
133	DTZ1957760101015	Sông A	Thiệu	05/01/2000	Hơ mông	Công tác XH - K17	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
134	DTZ1957760101024	Hoàng Thị	Xoan	22/09/1999	Tày	Công tác XH - K17	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	890.000	5	4.450.000
135	DTZ1653404010050	Dặng Tồn	Chuông	10/10/1998	Dao	KH Quản lý - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
136	DTZ1653404010046	Dâm Ngọc	Đinh	25/10/1997	Nùng	KH Quản lý - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	890.000	5	4.450.000
137	DTZ1653404010005	Dương Thị	Hạnh	10/08/1998	Nùng	KH Quản lý - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	890.000	5	4.450.000
138	DTZ1653404010022	Nguyễn Thị Minh	Luyến	14/05/1998	Dao	KH Quản lý - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	890.000	5	4.450.000
139	DTZ1653404010033	Xa Văn	Quang	18/11/1998	Mường	KH Quản lý - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
140	DTZ1653404010011	Triệu Mùi	Sao	26/09/1998	Dao	KH Quản lý - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
141	DTZ1653404010041	Sì Go	Sinh	03/10/1997	Hà nhĩ	KH Quản lý - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
142	DTZ1653404010043	Sùng Mí	Sò	17/02/1997	Mông	KH Quản lý - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
143	DTZ1653404010021	Phùng Thị	Tuyết	10/01/1997	Nùng	KH Quản lý - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
144	DTZ1653404010028	Húng Thị	Viên	17/01/1994	Pà then	KH Quản lý - K14	Dân tộc rất ít người ở vùng đặc biệt KK	890.000	5	4.450.000
145	DTZ1752340401023	Hạng Thị	Chớ	21/09/1998	Hơ mông	KH Quản lý - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
146	DTZ1752340401014	Lý Bá	Cò	22/09/1999	Hơ mông	KH Quản lý - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
147	DTZ1752340401017	Lý Văn	Đại	24/02/1998	Xuông	KH Quản lý - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
148	DTZ1752340401016	Quảng Thị	Hoa	28/08/1999	Thái	KH Quản lý - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
149	DTZ1752340401002	Liêu Thị	Nhuận	19/06/1998	Tày	KH Quản lý - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
150	DTZ1752340401012	Giảng A	Sang	20/04/1999	Hơ mông	KH Quản lý - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
151	DTZ1752340401001	Lù A	Sênh	22/04/1999	Hơ mông	KH Quản lý - K15	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	890.000	5	4.450.000
152	DTZ1752340401024	Lý Bá	Thành	19/04/1999	Hơ mông	KH Quản lý - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
153	DTZ1857340401001	Lý Thè	De	05/05/2000	Hà nhĩ	KH Quản lý - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
154	DTZ1857340401002	Hoàng Thị	Điền	14/02/2000	Tày	KH Quản lý - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
155	DTZ1957340401036	Dương Ngọc	Mai	09/08/2001	Kinh	KH Quản lý - K17	Con bệnh binh - Có công với CM	890.000	5	4.450.000
156	DTZ1957340401004	Lý Tà	Mây	22/02/2001	Dao	KH Quản lý - K17	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
157	DTZ1957340401026	Bản Quang	Nhân	03/01/2001	Dao	KH Quản lý - K17	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	890.000	5	4.450.000
158	DTZ1957340401021	Bản Văn	On	20/01/2001	Dao	KH Quản lý - K17	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	890.000	5	4.450.000
159	DTZ1957340401012	Lường Như	Quỳnh	23/04/2000	Tày	KH Quản lý - K17	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	890.000	5	4.450.000
160	DTZ1957340401038	Sinh A	Sừ	29/01/2001	Hơ mông	KH Quản lý - K17	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
161	DTZ1957340401039	Trần Thị Hải	Vỹ	10/12/2001	Tày	KH Quản lý - K17	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
162	DTZ1653801010046	Liễu Thị	Châm	28/12/1998	Trại	Luật A - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
163	DTZ1653801010024	Hoàng Thị	Châm	15/10/1997	Tày	Luật A - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	890.000	5	4.450.000

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ ĐỆM	TÊN	NGÀY SINH	DÂN TỘC	LỚP VÀ KHÓA HỌC	ĐỐI TƯỢNG	Số tiền /tháng	Số tháng	Thành tiền
164	DTZ1653801010068	Lò Văn	Chường	10/07/1996	Thái	Luật A - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	890.000	5	4.450.000
165	DTZ1653801010045	Thào Thị	Cúc	10/12/1997	Hơ mông	Luật A - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
166	DTZ1653801010048	Đồng Văn	Huy	22/11/1996	Tày	Luật A - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
167	DTZ1653801010007	Nguyễn Thị Minh	Huyền	13/02/1998	Kinh	Luật A - K14	Con thương binh - Có công với CM	890.000	5	4.450.000
168	DTZ1653801010062	Tráng Seo	Nỏ	25/05/1998	Mông	Luật A - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
169	DTZ1653801010058	Lương Văn	Son	18/10/1998	Thái	Luật A - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
170	DTZ1653801010072	Lương Thị	Thương	21/01/1998	Nùng	Luật A - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
171	DTZ1653801010028	Mùa A	Tính	07/12/1997	Hơ mông	Luật A - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
172	DTZ1653801010078	Giàng A	Vàng	21/10/1998	Mông	Luật A - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
173	DTZ1653801010086	Cháng Văn	Việt	07/02/1997	Nùng	Luật A - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	890.000	5	4.450.000
174	DTZ1653801010051	Trần Thị	Vinh	14/09/1996	Tày	Luật A - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	890.000	5	4.450.000
175	DTZ1653801010138	Phu Hờ	Be	01/03/1998	Hà nhi	Luật B - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	890.000	5	4.450.000
176	DTZ1653801010093	Mùa Thị	Cu	01/01/1998	Mông	Luật B - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
177	DTZ1653801010063	Lù Văn	Chiều	15/04/1998	Nùng	Luật B - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	890.000	5	4.450.000
178	DTZ1653801010155	Sùng A	Dinh	09/03/1998	Mông	Luật B - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
179	DTZ1653801010135	Lò Thị	Hải	22/01/1997	Thái	Luật B - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
180	DTZ1653801010172	Cháng A	Hạnh	20/03/1997	Hơ mông	Luật B - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	890.000	5	4.450.000
181	DTZ1653801010174	Lục Quốc	Khánh	11/05/1998	Sán diu	Luật B - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
182	DTZ1653801010113	Hoàng Thị	Len	04/09/1998	Nùng	Luật B - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
183	DTZ1653801010118	Thắm Thị	Nguyên	25/04/1998	Tày	Luật B - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	890.000	5	4.450.000
184	DTZ1653801010120	Sùng Sênh	Páo	15/01/1998	Mông	Luật B - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
185	DTZ1653801010169	Mùa A	Phình	01/04/1997	Hơ mông	Luật B - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
186	DTZ1653801010141	Giàng Thị	Súa	06/03/1998	Hơ mông	Luật B - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
187	DTZ1653801010130	Giàng Xuân	Thành	15/05/1998	Hơ mông	Luật B - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
188	DTZ1653801010144	Lý A	Trổng	12/08/1994	Hơ mông	Luật B - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
189	DTZ1653801010154	Giàng Thị	Trang	10/09/1998	Mông	Luật B - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
190	DTZ1653801010265	Hoàng Thị	Bằng	04/03/1995	Hơ mông	Luật C - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
191	DTZ1653801010224	Tổng Thị	Cúc	02/11/1998	Thái	Luật C - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
192	DTZ1653801010218	Vừ Chông	Di	16/01/1997	Mông	Luật C - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
193	DTZ1653801010192	Giàng A	Hồng	21/01/1997	Mông	Luật C - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
194	DTZ1653801010255	Lý A	Khùa	06/10/1998	Mông	Luật C - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	890.000	5	4.450.000
195	DTZ1653801010242	Lâm Văn	Lập	16/04/1998	Nùng	Luật C - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	890.000	5	4.450.000
196	DTZ1653801010248	Lê Thị Khánh	Ly	15/02/1998	Tày	Luật C - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
197	DTZ1653801010197	Lương Thị	Mai	27/09/1997	Nùng	Luật C - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	890.000	5	4.450.000

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ ĐỆM	TÊN	NGÀY SINH	DÂN TỘC	LỚP VÀ KHÓA HỌC	ĐỐI TƯỢNG	Số tiền /tháng	Số tháng	Thành tiền
198	DTZ1653801010210	Lý A	Mang	04/07/1998	Mông	Luật C - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
199	DTZ1653801010206	Đàm Văn	Nam	09/08/1998	Nùng	Luật C - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
200	DTZ1653801010208	Sùng Ba	Nam	14/10/1997	Mông	Luật C - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
201	DTZ1653801010209	Giàng A	Nếnh	12/10/1996	Hơ mông	Luật C - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
202	DTZ1653801010183	Giàng A	Ninh	05/08/1998	Mông	Luật C - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
203	DTZ1653801010252	Vàng Seo	Quang	15/09/1998	Nùng	Luật C - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
204	DTZ1653801010190	Vàng Thị	Tấu	28/09/1998	Hơ mông	Luật C - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
205	DTZ1653801010239	Lò Thị	Thanh	01/08/1997	Thái	Luật C - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	890.000	5	4.450.000
206	DTZ1653801010214	Nguyễn Thị	Thương	27/02/1998	Nùng	Luật C - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	890.000	5	4.450.000
207	DTZ1653801010222	Mào Thị	Thúy	14/04/1998	Thái	Luật C - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
208	DTZ1653801010254	Lò Thị	Tinh	07/08/1998	Thái	Luật C - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
209	DTZ1653801010256	Vàng A	Vá	23/10/1996	Hơ mông	Luật C - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	890.000	5	4.450.000
210	DTZ1653801010198	Pờ Khò	Xỏ	26/06/1998	Hà nhi	Luật C - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
211	DTZ1653801010294	Chu Thành	Biên	13/07/1998	Tày	Luật D - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
212	DTZ1653801010349	Giàng A	Của	13/04/1996	Mông	Luật D - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
213	DTZ1653801010293	Chấu Sín	Cung	20/06/1998	Mông	Luật D - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	890.000	5	4.450.000
214	DTZ1653801010325	Triệu Thị Thanh	Doãn	21/08/1998	Tày	Luật D - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	890.000	5	4.450.000
215	DTZ1653801010352	Hoàng Thị Thu	Hòa	30/09/1997	Cao Lan	Luật D - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	890.000	5	4.450.000
216	DTZ1653801010287	Nay	Luân	22/12/1997	Jrai	Luật D - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	890.000	5	4.450.000
217	DTZ1653801010329	Lò Thị	Lược	14/09/1997	Lào	Luật D - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
218	DTZ1653801010316	Triệu Thu	Nguyệt	02/07/1998	Dao	Luật D - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	890.000	5	4.450.000
219	DTZ1653801010357	Lý Thị	Oanh	07/02/1998	Tày	Luật D - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
220	DTZ1653801010304	Mùa Thị	Phénh	05/06/1998	Mông	Luật D - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
221	DTZ1653801010286	Hoàng Thị	Phượng	21/07/1997	Nùng	Luật D - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
222	DTZ1653801010305	Vừ A	Pó	07/10/1998	Hơ mông	Luật D - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
223	DTZ1653801010306	Và A	Sênh	25/04/1997	Hơ mông	Luật D - K14	Mồ côi cha mẹ	890.000	5	4.450.000
224	DTZ1653801010297	Phản Lão	Sì	17/08/1998	Dao	Luật D - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
225	DTZ1653801010291	Cứ A	Súa	04/01/1996	Hơ mông	Luật D - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
226	DTZ1653801010327	Vàng	Thanh	07/02/1998	Mông	Luật D - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
227	DTZ1653801010371	Vừ A	Anh	25/10/1998	Mông	Luật E - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
228	DTZ1653801010444	Mùa A	Bình	05/04/1998	Mông	Luật E - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
229	DTZ1653801010428	Sùng A	Chính	18/08/1998	Mông	Luật E - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
230	DTZ1653801010409	Ma A	Chơ	03/03/1996	Mông	Luật E - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
231	DTZ1653801010372	Vàng A	Chứ	30/07/1996	Mông	Luật E - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ ĐỆM	TÊN	NGÀY SINH	DÂN TỘC	LỚP VÀ KHÓA HỌC	ĐỐI TƯỢNG	Số tiền /tháng	Số tháng	Thành tiền
232	DTZ1653801010383	Thào A	Cú	01/02/1996	Hơ mông	Luật E - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
233	DTZ1653801010391	Hoàng Thị	Di	03/03/1997	Hơ mông	Luật E - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
234	DTZ1653801010396	Nguyễn Thị	Diễn	06/08/1998	Tày	Luật E - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
235	DTZ1653801010408	Hồ Thị	Dông	15/03/1997	Mông	Luật E - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
236	DTZ1653801010450	Nguyễn Xuân	Giáp	07/10/1995	Tày	Luật E - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
237	DTZ1653801010431	Đặng Thu	Hà	27/10/1998	Dao	Luật E - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
238	DTZ1653801010419	Ly A	Hạnh	16/08/1998	Mông	Luật E - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
239	DTZ1653801010362	Lương Thủy	Hiên	13/06/1998	Nùng	Luật E - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
240	DTZ1653801010414	Trần Trung	Hiếu	01/05/1998	Kinh	Luật E - K14	Con thương binh - Có công với CM	890.000	5	4.450.000
241	DTZ1653801010433	Lầu A	Hờ	09/09/1998	Hơ mông	Luật E - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
242	DTZ1653801010400	Bế Nhật	Hoàng	24/08/1997	Tày	Luật E - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
243	DTZ1653801010378	Lầu A	Hồng	07/10/1997	Hơ mông	Luật E - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
244	DTZ1653801010395	Trần Sĩ	Hùng	30/01/1997	Nùng	Luật E - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
245	DTZ1653801010388	Sùng A	Kinh	17/03/1998	Hơ mông	Luật E - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
246	DTZ1653801010445	Cáo Thị	Lan	02/01/1996	Nùng	Luật E - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
247	DTZ1653801010448	Triệu Thủy	Lan	20/06/1997	Dao	Luật E - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	890.000	5	4.450.000
248	DTZ1653801010442	Lý Mỹ	Lò	02/06/1997	Hà nhi	Luật E - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
249	DTZ1653801010436	Lý Pờ	Mé	15/05/1997	Hà nhi	Luật E - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
250	DTZ1653801010437	Đặng Mùi	Nái	02/09/1998	Dao	Luật E - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
251	DTZ1653801010447	Lò Lò	Nu	15/06/1997	Hà nhi	Luật E - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
252	DTZ1653801010382	Giảng A	Páo	22/12/1998	Mông	Luật E - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
253	DTZ1653801010374	Sùng A	Phổng	15/08/1997	Hơ mông	Luật E - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
254	DTZ1653801010387	Hảng A	Sờ	12/09/1997	Mông	Luật E - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	890.000	5	4.450.000
255	DTZ1653801010430	Vàng Thị	Thu	11/02/1998	Nùng	Luật E - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	890.000	5	4.450.000
256	DTZ1653801010438	Nguyễn Văn	Thuận	25/05/1996	Tày	Luật E - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	890.000	5	4.450.000
257	DTZ1653801010416	Triệu Thị	Tơ	17/12/1997	Dao	Luật E - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
258	DTZ1653801010413	Ly A	Và	07/06/1994	Hơ mông	Luật E - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
259	DTZ1653801010402	Lao Thị	Vân	14/05/1998	Nùng	Luật E - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
260	DTZ1653801010486	Vàng A	Dénh	10/05/1996	Mông	Luật F - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
261	DTZ1653801010452	Hoàng Thị	Diệp	08/04/1998	Tày	Luật F - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
262	DTZ1653801010464	Sùng Thị	Già	20/04/1996	Mông	Luật F - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
263	DTZ1653801010463	Cử Mí	Gió	01/02/1997	Mông	Luật F - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
264	DTZ1653801010497	Chu Thị Thu	Hà	27/01/1998	Tày	Luật F - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
265	DTZ1653801010507	Nông Tiến	Hào	21/08/1995	Tày	Luật F - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	890.000	5	4.450.000

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ ĐỆM	TÊN	NGÀY SINH	DÂN TỘC	LỚP VÀ KHÓA HỌC	ĐỐI TƯỢNG	Số tiền /tháng	Số tháng	Thành tiền
266	DTZ1653801010485	Lương Trung	Hiếu	04/12/1997	Nùng	Luật F - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	890.000	5	4.450.000
267	DTZ1653801010494	Nguyễn Thị Thùy	Linh	04/12/1997	Kinh	Luật F - K14	Con thương binh - Có công với CM	890.000	5	4.450.000
268	DTZ1653801010495	Đàm Thị	Lương	29/03/1997	Nùng	Luật F - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	890.000	5	4.450.000
269	DTZ1653801010478	Nông Hồng	Ly	14/10/1998	Tày	Luật F - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
270	DTZ1653801010459	Pờ Xa	Mé	07/12/1997	Hà nhi	Luật F - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
271	DTZ1653801010468	Lý Xó	Nu	16/07/1997	Hà nhi	Luật F - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
272	DTZ1653801010465	Lương Thị	Phương	10/08/1998	Nùng	Luật F - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
273	DTZ1653801010481	Sùng A	Sinh	06/04/1998	Hơ mông	Luật F - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
274	DTZ1653801010499	Ly A	Sù	07/08/1998	Mông	Luật F - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
275	DTZ1653801010476	Thào Thị	Sung	12/07/1998	Mông	Luật F - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
276	DTZ1653801010454	Lò Thị	Thảo	19/05/1997	Thái	Luật F - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
277	DTZ1653801010455	Thào A	Trầu	07/05/1998	Mông	Luật F - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
278	DTZ1653801010483	Nguyễn Thị	Tượng	07/10/1998	Tày	Luật F - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
279	DTZ1653801010461	Sinh Thị	Yến	01/07/1997	Lô lô	Luật F - K14	Dân tộc rất ít người ở vùng đặc biệt KK	890.000	5	4.450.000
280	DTZ1752380101075	Hoàng Văn	Đành	22/06/1998	Mông	Luật A - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
281	DTZ1752380101094	Thào Thị	Giảng	20/06/1999	Mông	Luật A - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
282	DTZ1752380101072	Lường Văn	Hà	06/07/1999	Thái	Luật A - K15	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	890.000	5	4.450.000
283	DTZ1752380101051	Thào A	Hai	04/10/1999	Hơ mông	Luật A - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
284	DTZ1752380101033	Hà Thị	Hạnh	06/08/1999	Thái	Luật A - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
285	DTZ1752380101093	Vàng Thị Mai	Lan	04/10/1999	Mông	Luật A - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
286	DTZ1752380101059	Hoàng Thị	Linh	01/09/1999	Sán Chí	Luật A - K15	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	890.000	5	4.450.000
287	DTZ1752380101014	Lò Thị	Nga	06/03/1999	Thái	Luật A - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
288	DTZ1752380101068	Chang A	Sang	05/02/1998	Mông	Luật A - K15	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	890.000	5	4.450.000
289	DTZ1752380101091	Sùng A	Sính	10/11/1998	Hơ mông	Luật A - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
290	DTZ1752380101096	Sùng A	Sò	02/05/1998	Mông	Luật A - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
291	DTZ1752380101041	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	06/07/1999	Tày	Luật A - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
292	DTZ1752380101049	Thào A	Thắng	01/06/1999	Mông	Luật A - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
293	DTZ1752380101079	Cứ A	Tủa	12/01/1998	Mông	Luật A - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
294	DTZ1752380101140	Thào A	Chớ	24/03/1998	Hơ mông	Luật B - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
295	DTZ1752380101175	Sùng Thị	Dợ	16/11/1999	Mông	Luật B - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
296	DTZ1752380101120	Thào A	Già	06/07/1998	Hơ mông	Luật B - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
297	DTZ1752380101141	Hoàng Thị	Huệ	27/07/1999	Tày	Luật B - K15	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	890.000	5	4.450.000
298	DTZ1752380101162	Quảng Thị	Kiểm	14/06/1998	Phù lá	Luật B - K15	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	890.000	5	4.450.000
299	DTZ1752380101176	Trần Thị Nhị	Long	15/08/1999	Kinh	Luật B - K15	Con thương binh - Có công với CM	890.000	5	4.450.000



STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ ĐỆM	TÊN	NGÀY SINH	DÂN TỘC	LỚP VÀ KHÓA HỌC	ĐỐI TƯỢNG	Số tiền /tháng	Số tháng	Thành tiền
300	DTZ1752380101131	Giàng A	Pó	07/10/1998	Hơ mông	Luật B - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
301	DTZ1752380101190	Đinh Liễu	Phượng	05/09/1999	Tày	Luật B - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
302	DTZ1752380101124	Hoàng Thị	Thủy	07/01/1999	Tày	Luật B - K15	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	890.000	5	4.450.000
303	DTZ1752380101195	Hoàng Anh	Tuấn	20/08/1998	Nùng	Luật B - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
304	DTZ1752380101154	Quan Văn	Thế	30/04/1998	Tày	Luật B - K15	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	890.000	5	4.450.000
305	DTZ1752380101126	Sùng A	Vàng	21/12/1998	Mông	Luật B - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
306	DTZ1752380101275	Giàng Vinh	Anh	11/01/1998	Mông	Luật C - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
307	DTZ1752380101202	Ma A	Bác	19/05/1999	Mông	Luật C - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
308	DTZ1752380101270	Giàng Thị	Cá	06/07/1999	Mông	Luật C - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
309	DTZ1752380101205	Và A	Chía	01/02/1999	Mông	Luật C - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
310	DTZ1752380101212	Hạng Thị	Co	06/02/1998	Mông	Luật C - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
311	DTZ1752380101225	Lò Thị	Diên	09/09/1998	Khơ mú	Luật C - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
312	DTZ1752380101259	Mùa Thị	Dúa	15/06/1999	Hơ mông	Luật C - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
313	DTZ1752380101268	Giàng A	Dùng	20/10/1996	Hơ mông	Luật C - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
314	DTZ1752380101231	Mã Hải	Dùng	12/12/1999	Tày	Luật C - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
315	DTZ1752380101288	La Thị	Hạnh	24/08/1996	Nùng	Luật C - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
316	DTZ1752380101209	Hang A	Hồng	25/06/1999	Mông	Luật C - K15	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	890.000	5	4.450.000
317	DTZ1752380101241	Triệu Thị	Lễ	01/02/1999	Tày	Luật C - K15	Mồ côi cha mẹ	890.000	5	4.450.000
318	DTZ1752380101258	Sùng Thị	Lía	29/09/1998	Hơ mông	Luật C - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
319	DTZ1752380101204	Chang Thị	Lú	17/08/1999	Hơ mông	Luật C - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
320	DTZ1752380101257	Sùng Thị	Má	06/08/1999	Mông	Luật C - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
321	DTZ1752380101217	Vừ A	Nhia	12/08/1999	Mông	Luật C - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
322	DTZ1752380101220	Và A	Phá	07/11/1998	Mông	Luật C - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
323	DTZ1752380101248	Lý Go	Pư	20/05/1999	Hà nhĩ	Luật C - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
324	DTZ1752380101234	Lý Văn	Quý	08/02/1999	Cống	Luật C - K15	Dân tộc rất ít người ở vùng đặc biệt KK	890.000	5	4.450.000
325	DTZ1752380101215	Hờ Thị	Sùng	07/08/1999	Mông	Luật C - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
326	DTZ1752380101293	Sùng A	Tùng	22/12/1998	Mông	Luật C - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
327	DTZ1752380101284	Giàng A	Thắng	20/04/1996	Mông	Luật C - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
328	DTZ1752380101236	Tô Thị	Thanh	08/05/1999	Nùng	Luật C - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
329	DTZ1752380101274	Giàng A	Thi	04/09/1998	Mông	Luật C - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
330	DTZ1752380101260	Vì Văn	Thuận	05/08/1996	Nùng	Luật C - K15	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	890.000	5	4.450.000
331	DTZ1752380101282	Vàng Bà	Tú	06/10/1996	Mông	Luật C - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
332	DTZ1752380101251	Và A	Vi	10/09/1999	Mông	Luật C - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
333	DTZ1752380101291	Lý Khử	Xó	15/06/1999	Hà nhĩ	Luật C - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ ĐỆM	TÊN	NGÀY SINH	DÂN TỘC	LỚP VÀ KHÓA HỌC	ĐỐI TƯỢNG	Số tiền /tháng	Số tháng	Thành tiền
334	DTZ1752380101290	Pờ Hà	Bắc	04/07/1999	Hà nhĩ	Luật D - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
335	DTZ1752380101309	Thảo A	Cao	08/12/1999	Hơ mông	Luật D - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
336	DTZ1752380101254	Chớ A	Chua	02/03/1998	Hơ mông	Luật D - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
337	DTZ1752380101142	Mùa Thị	Củ	12/02/1999	Mông	Luật D - K15	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	890.000	5	4.450.000
338	DTZ1752380101166	Sùng A	Của	19/02/1998	Hơ mông	Luật D - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
339	DTZ1752380101298	Sùng Thị	Dua	06/07/1999	Hơ mông	Luật D - K15	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	890.000	5	4.450.000
340	DTZ1752380101299	Thào A	Đênh	22/11/1999	Mông	Luật D - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
341	DTZ1752380101307	Nùng Văn	Đinh	04/02/1998	Lô lô	Luật D - K15	Dân tộc rất ít người ở vùng đặc biệt KK	890.000	5	4.450.000
342	DTZ1752380101312	Lý Văn	Hoàng	26/06/1998	Nùng	Luật D - K15	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	890.000	5	4.450.000
343	DTZ1752380101118	Lò Thị	Nhung	20/03/1998	Thái	Luật D - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
344	DTZ1752380101206	Mùa Thị Xuân	Nhi	28/11/1999	Mông	Luật D - K15	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	890.000	5	4.450.000
345	DTZ1752380101303	Hạng A	Phừ	16/07/1998	Mông	Luật D - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
346	DTZ1752380101311	Pờ Lé	Sinh	24/05/1999	Hà nhĩ	Luật D - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
347	DTZ1752380101165	Lò Thị Minh	Thư	30/03/1999	Thái	Luật D - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
348	DTZ1752380101300	Hoàng Thị	Thúy	24/06/1999	Tày	Luật D - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
349	DTZ1752380101266	Thào A	Tính	12/07/1999	Mông	Luật D - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
350	DTZ1752380101308	Hoàng Văn	Tu	28/09/1998	Mông	Luật D - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
351	DTZ1752380101292	Lý Thị	Tuyết	22/10/1999	Cống	Luật D - K15	Dân tộc rất ít người ở vùng đặc biệt KK	890.000	5	4.450.000
352	DTZ1752380101139	Vi Thị	Yến	28/12/1999	Thái	Luật D - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
353	DTZ1857380101002	Tông Văn	Biển	09/03/2000	Thái	Luật A - K16	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	890.000	5	4.450.000
354	DTZ1857380101005	Vàng Thị	Dí	29/12/2000	Mông	Luật A - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
355	DTZ1857380101006	Vừ A	Đo	27/10/2000	Mông	Luật A - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
356	DTZ1857380101007	Sinh Thị	Dừa	06/08/2000	Mông	Luật A - K16	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	890.000	5	4.450.000
357	DTZ1857380101010	Giảng A	Đùng	27/03/2000	Hơ mông	Luật A - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
358	DTZ1857380101014	Nông Thị Việt	Hòa	06/03/2000	Tày	Luật A - K16	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	890.000	5	4.450.000
359	DTZ1857380101015	Lâm Thị Thu	Hoài	02/10/2000	Nùng	Luật A - K16	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	890.000	5	4.450.000
360	DTZ1857380101018	Mùa A	Hồng	09/03/2000	Hơ mông	Luật A - K16	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	890.000	5	4.450.000
361	DTZ1857380101022	Lý Mạnh	Hùng	06/06/1999	Mông	Luật A - K16	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	890.000	5	4.450.000
362	DTZ1857380101023	Sông Thị	Hương	28/11/2000	Mông	Luật A - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
363	DTZ1857380101027	Chu Đình	Hữu	11/08/2000	Dao	Luật A - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
364	DTZ1857380101050	Ly Mi	Pó	06/10/2000	Mông	Luật A - K16	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	890.000	5	4.450.000
365	DTZ1857380101031	Vàng Thị	Ỉa	11/12/1999	Mông	Luật A - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
366	DTZ1857380101052	Hoàng Ngọc	Quang	02/04/2000	Tày	Luật A - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
367	DTZ1857380101032	Vàng A	Ká	10/04/2000	Mông	Luật A - K16	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	890.000	5	4.450.000

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ ĐỆM	TÊN	NGÀY SINH	DÂN TỘC	LỚP VÀ KHÓA HỌC	ĐỐI TƯỢNG	Số tiền /tháng	Số tháng	Thành tiền
368	DTZ1857380101037	Giàng A	Ký	10/06/2000	Mông	Luật A - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
369	DTZ1857380101219	Lầu A	Lý	20/08/2000	Hơ mông	Luật A - K16	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	890.000	5	4.450.000
370	DTZ1857380101042	Hoàng Thị	Ngon	10/05/1998	Nùng	Luật A - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
371	DTZ1857380101044	Giàng Văn	Phênh	16/01/2000	Mông	Luật A - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
372	DTZ1857380101046	Vừ A	Phổng	20/12/2000	Hơ mông	Luật A - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
373	DTZ1857380101048	Mào Thị Ánh	Phượng	06/12/2000	Thái	Luật A - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
374	DTZ1857380101051	Giàng A	Pồ	10/05/2000	Mông	Luật A - K16	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	890.000	5	4.450.000
375	DTZ1857380101055	Lầu A	Sênh	13/08/2000	Mông	Luật A - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
376	DTZ1857380101065	Nông Thị Thu	Trang	13/10/1999	Nùng	Luật A - K16	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	890.000	5	4.450.000
377	DTZ1857380101066	Vàng A	Tủa	03/03/2000	Mông	Luật A - K16	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	890.000	5	4.450.000
378	DTZ1857380101067	Lý Văn	Tùng	21/02/2000	Dao	Luật A - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
379	DTZ1857380101072	Hà Minh	Bắc	16/03/2000	Tày	Luật B - K16	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	890.000	5	4.450.000
380	DTZ1857380101074	Vàng A	Cầu	19/09/1999	Mông	Luật B - K16	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	890.000	5	4.450.000
381	DTZ1857380101079	Mùa A	Của	01/03/2000	Hơ mông	Luật B - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
382	DTZ1857380101077	Lô Thị	Chung	01/11/2000	La ha	Luật B - K16	Dân tộc rất ít người ở vùng đặc biệt KK	890.000	5	4.450.000
383	DTZ1857380101078	Vàng A	Chùng	25/07/2000	Mông	Luật B - K16	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	890.000	5	4.450.000
384	DTZ1857380101076	Lý A	Chớ	30/01/1999	Mông	Luật B - K16	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	890.000	5	4.450.000
385	DTZ1857380101081	Hồ Mí	Dia	12/04/2000	Mông	Luật B - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
386	DTZ1857380101083	Giàng A	Dơ	10/10/1996	Hơ mông	Luật B - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
387	DTZ1857380101084	Vàng Thị	Dợ	12/10/2000	Mông	Luật B - K16	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	890.000	5	4.450.000
388	DTZ1857380101086	Thào Thị	Dung	01/02/2000	Mông	Luật B - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
389	DTZ1857380101087	Hoàng Lê	Giang	21/09/2000	Nùng	Luật B - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
390	DTZ1857380101156	Triệu Thị	Hà	07/09/2000	Dao	Luật B - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
391	DTZ1857380101089	Vàng A	Hà	03/08/2000	Hơ mông	Luật B - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
392	DTZ1857380101093	Cà Văn	Hậu	29/07/1999	Thái	Luật B - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
393	DTZ1857380101099	Nông Thị	Liên	02/01/2000	Tày	Luật B - K16	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	890.000	5	4.450.000
394	DTZ1857380101106	Bàn Thị Hai	Lý	19/12/2000	Dao	Luật B - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
395	DTZ1857380101108	Giàng Xé	Mề	10/04/2000	Hà nhi	Luật B - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
396	DTZ1857380101208	Vàng Kha	Mi	17/03/2000	Mông	Luật B - K16	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	890.000	5	4.450.000
397	DTZ1857380101111	Vàng Xuân	Mừng	01/10/2000	Giáy	Luật B - K16	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	890.000	5	4.450.000
398	DTZ1857380101112	Giàng A	Nénh	06/07/2000	Hơ mông	Luật B - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
399	DTZ1857380101114	Mùa Lao	Páo	11/07/1998	Hơ mông	Luật B - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
400	DTZ1857380101117	Thào A	Sử	18/12/2000	Hơ mông	Luật B - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
401	DTZ1857380101118	Thào Bình	Thanh	03/02/2000	Mông	Luật B - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ ĐỆM	TÊN	NGÀY SINH	DÂN TỘC	LỚP VÀ KHÓA HỌC	ĐỐI TƯỢNG	Số tiền /tháng	Số tháng	Thành tiền
402	DTZ1857380101119	Vũ A	Thay	15/11/2000	Mông	Luật B - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
403	DTZ1857380101120	Triệu Thị	Thìn	20/05/2000	Dao	Luật B - K16	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	890.000	5	4.450.000
404	DTZ1857380101123	Pờ Minh	Thu	17/07/2000	Hà nhĩ	Luật B - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
405	DTZ1857380101124	Mùa A	Thụ	06/02/2000	Hơ mông	Luật B - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
406	DTZ1857380101125	Lý Mai	Thuận	05/07/2000	Sì la	Luật B - K16	Dân tộc rất ít người ở vùng đặc biệt KK	890.000	5	4.450.000
407	DTZ1857380101127	Hoàng Thị	Thúy	08/11/2000	Nùng	Luật B - K16	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	890.000	5	4.450.000
408	DTZ1857380101133	Hứa Văn	Trung	05/01/1999	Nùng	Luật B - K16	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	890.000	5	4.450.000
409	DTZ1857380101139	Giàng A	Vàng	04/06/2000	Hơ mông	Luật B - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
410	DTZ1957380101036	Quảng Thị	Bình	17/05/2001	Thái	Luật A - K17	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
411	DTZ1957380101120	Ly A	Chợ	06/09/2000	Hơ mông	Luật A - K17	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
412	DTZ1957380101037	Vàng A	Dạ	03/11/2001	Mông	Luật A - K17	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	890.000	5	4.450.000
413	DTZ1957380101053	Chang Gạ	De	12/09/2001	Hà nhĩ	Luật A - K17	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
414	DTZ1957380101013	Vũ A	Dua	25/12/2000	Mông	Luật A - K17	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
415	DTZ1957380101008	Đàm Văn	Giang	26/01/2001	Nùng	Luật A - K17	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	890.000	5	4.450.000
416	DTZ1957380101005	Thào Thị	Mỹ	02/01/2000	Hơ mông	Luật A - K17	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
417	DTZ1957380101019	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	13/03/2001	Tày	Luật A - K17	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	890.000	5	4.450.000
418	DTZ1957380101048	Đào Văn	Ngôn	25/05/2001	Mông	Luật A - K17	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
419	DTZ1957380101054	Phản Khừ	Nu	13/05/2001	La hủ	Luật A - K17	Dân tộc rất ít người ở vùng đặc biệt KK	890.000	5	4.450.000
420	DTZ1957380101038	Mào Thị	Quỳnh	02/09/2001	Thái	Luật A - K17	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
421	DTZ1957380101030	La Văn	Tính	04/06/2001	Tày	Luật A - K17	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
422	DTZ1957380101090	Sùng A	Tính	08/07/2001	Hơ mông	Luật A - K17	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
423	DTZ1957380101116	Lầu A	Chừ	05/01/2001	Hơ mông	Luật B - K17	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
424	DTZ1957380101075	Thào Thị	Hoa	19/02/2001	Mông	Luật B - K17	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
425	DTZ1957380101056	Khoảng Xé	Ly	11/08/2000	Hà nhĩ	Luật B - K17	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
426	DTZ1957380101106	Phu Hờ	Mề	07/08/2001	Hà nhĩ	Luật B - K17	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	890.000	5	4.450.000
427	DTZ1957380101087	Vàng Lao	Nụ	23/07/2001	Hơ mông	Luật B - K17	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
428	DTZ1957380101071	Lương Văn	Tính	27/10/2001	Lào	Luật B - K17	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	890.000	5	4.450.000
429	DTZ1957380101067	Lầu A	Tú	28/02/2000	Hơ mông	Luật B - K17	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
430	DTZ1957380101086	Đặng Phương Nhà	Trám	11/09/2000	Dao	Luật B - K17	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	890.000	5	4.450.000
431	DTZ1957380101114	Sùng A	Vừ	12/07/2000	Hơ mông	Luật B - K17	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
432	DTZ1658501010033	Vàng A	Linh	30/09/1998	Hơ mông	QLTN Môi trường - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	1.060.000	5	5.300.000
433	DTZ1658501010029	Phảng A	Minh	10/06/1998	Mông	QLTN Môi trường - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	1.060.000	5	5.300.000
434	DTZ1658501010003	Bùi Thị Quỳnh	Nga	25/10/1998	Mường	QLTN Môi trường - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	1.060.000	5	5.300.000
435	DTZ1658501010032	Lủ Văn	Phòng	06/07/1997	Nùng	QLTN Môi trường - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	1.060.000	5	5.300.000



STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ ĐỆM	TÊN	NGÀY SINH	DÂN TỘC	LỚP VÀ KHÓA HỌC	ĐỐI TƯỢNG	Số tiền /tháng	Số tháng	Thành tiền
436	DTZ1658501010031	Ly Thị	Quỳnh	30/04/1997	Nùng	QLTN Môi trường - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	1.060.000	5	5.300.000
437	DTZ1658501010028	Ma Văn	Thế	19/03/1997	Tày	QLTN Môi trường - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	1.060.000	5	5.300.000
438	DTZ1658501010008	Giàng A	Tu	16/08/1997	Hơ mông	QLTN Môi trường - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	1.060.000	5	5.300.000
439	DTZ1752850101010	Võ Việt	Anh	07/07/1998	Nùng	QLTN Môi trường - K15	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	1.060.000	5	5.300.000
440	DTZ1752850101008	Sùng Văn	Ca	12/10/1999	Mông	QLTN Môi trường - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	1.060.000	5	5.300.000
441	DTZ1752850101029	Lừ Seo	Chén	12/01/1990	Mông	QLTN Môi trường - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	1.060.000	5	5.300.000
442	DTZ1752850101009	Đặng Thị	Dết	15/08/2000	Dao	QLTN Môi trường - K15	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	1.060.000	5	5.300.000
443	DTZ1752850101037	Phùng Nhù	Hừ	10/05/1999	Hà nhi	QLTN Môi trường - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	1.060.000	5	5.300.000
444	DTZ1752850101007	Lù Gó	Ly	05/07/1999	Hà nhi	QLTN Môi trường - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	1.060.000	5	5.300.000
445	DTZ1752850101034	Nguyễn Đức	Thắng	18/11/1999	Tày	QLTN Môi trường - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	1.060.000	5	5.300.000
446	DTZ1752850101036	Lý Hà	Xe	12/02/1999	Hà nhi	QLTN Môi trường - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	1.060.000	5	5.300.000
447	DTZ1857850101007	Hoàng Quốc	Hưng	03/07/2000	Nùng	QLTN Môi trường - K16	Con bệnh binh - Có công với CM	1.060.000	5	5.300.000
448	DTZ1957850101013	Giàng Ngọc	Sơn	22/04/2001	Mông	QLTN Môi trường - K17	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	1.060.000	5	5.300.000
449	DTZ1957850101007	Đèo Văn	Thắng	23/02/2001	Thái	QLTN Môi trường - K17	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	1.060.000	5	5.300.000
450	DTZ1957420201021	Lý Thị	Nghiệp	14/01/2001	Pa then	CoN Sinh học - K17	Dân tộc rất ít người ở vùng đặc biệt KK	1.060.000	5	5.300.000
451	DTZ1957420201026	Xông Y	Pà	26/01/2001	Mông	CoN Sinh học - K17	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	1.060.000	5	5.300.000
452	DTZ1957420201013	Sùng A	Sênh	02/10/2001	Hơ mông	CoN Sinh học - K17	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	1.060.000	5	5.300.000
453	DTZ1653201010034	Trần Chí	Hiếu	12/03/1998	Kinh	Báo chí - K14	Con thương binh - Có công với CM	890.000	5	4.450.000
454	DTZ1653201010014	Đàm Thúy	Phương	16/06/1998	Tày	Báo chí - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
455	DTZ1653201010040	Sùng A	Vư	22/12/1997	Mông	Báo chí - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	890.000	5	4.450.000
456	DTZ1752320101023	Giàng Thị	Dung	18/11/1999	Hơ mông	Báo chí - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
457	DTZ1752320101025	Đặng Văn	Lường	26/06/1999	Dao	Báo chí - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
458	DTZ1752320101011	Nông Hồng	Vân	28/11/1998	Tày	Báo chí - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
459	DTZ1857320101001	Hồ Hồng	Cường	05/11/2000	Sì la	Báo chí - K16	Mồ côi cha mẹ	890.000	5	4.450.000
460	DTZ1857320101010	Ấu Thị	Hương	12/09/1999	Bồ y	Báo chí - K16	Dân tộc rất ít người ở vùng đặc biệt KK	890.000	5	4.450.000
461	DTZ1957320101001	Đặng Hỷ	Hoan	18/01/2001	Dao	Báo chí - K17	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
462	DTZ1652203300009	Hoàng Thị	Xọa	11/11/1998	Mông	Văn học - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	890.000	5	4.450.000
463	DTZ1857810101005	Sùng Thị	Chư	06/08/2000	Mông	Du Lịch - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	1.060.000	5	5.300.000
464	DTZ1857810101009	Nùng Thị	Diệp	29/09/1998	Giáy	Du Lịch - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	1.060.000	5	5.300.000
465	DTZ1857810101010	Giàng Thị	Dính	20/06/2000	Mông	Du Lịch - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	1.060.000	5	5.300.000
466	DTZ1857810101021	Chu Thị	Huệ	01/02/2000	Dao	Du Lịch - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	1.060.000	5	5.300.000
467	DTZ1857810101062	Ly Mi	Hùng	21/06/2000	Mông	Du Lịch - K16	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	1.060.000	5	5.300.000
468	DTZ1857810101044	Vàng Mi	Sá	07/12/2000	Mông	Du Lịch - K16	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	1.060.000	5	5.300.000
469	DTZ1857810101059	H' Lâm Oanh Rơ	Yam	06/01/1999	M' nông	Du Lịch - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	1.060.000	5	5.300.000



STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ ĐEM	TÊN	NGÀY SINH	DÂN TỘC	LỚP VÀ KHÓA HỌC	ĐỐI TƯỢNG	Số tiền /tháng	Số tháng	Thành tiền
470	DTZ1957810101058	Trương Thị	Nhánh	07/05/2000	Mông	Du Lịch - K17	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	1.060.000	5	5.300.000
471	DTZ1957810101036	Hà Thị	Phương	23/04/2000	Thái	Du Lịch - K17	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	1.060.000	5	5.300.000
472	DTZ1957810101054	Trần Đức	Quyền	16/05/2001	Nùng	Du Lịch - K17	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	1.060.000	5	5.300.000
473	DTZ1957810101034	Thào Thị	Súa	19/11/2001	Mông	Du Lịch - K17	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	1.060.000	5	5.300.000
474	DTZ1957810101031	Lý Công	Thế	03/10/2001	Tày	Du Lịch - K17	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	1.060.000	5	5.300.000
475	DTZ1957810101035	Đỗ Lâm	Thảo	12/06/2001	Tày	Du Lịch - K17	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	1.060.000	5	5.300.000
476	DTZ1957810101027	Đặng Thị	Thủy	16/03/2001	Dao	Du Lịch - K17	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	1.060.000	5	5.300.000
477	DTZ1957810101003	Hoàng Thị	Thủy	05/02/1998	Nùng	Du Lịch - K17	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	1.060.000	5	5.300.000
478	DTZ1957810101041	Lủ Mụ	Xó	22/10/2001	Hà nhi	Du Lịch - K17	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	1.060.000	5	5.300.000
479	DTZ1655281020033	Bùi Thị	Ánh	05/07/1998	Mường	QT Du lịch - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	1.060.000	5	5.300.000
480	DTZ1655281020039	Lý Thị	Mến	11/07/1998	Tày	QT Du lịch - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	1.060.000	5	5.300.000
481	DTZ1752528102021	Lưu Minh	Lý	25/10/1999	Tày	QT Du lịch - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	1.060.000	5	5.300.000
482	DTZ1752528102067	Lý Thị	Má	30/09/1999	Mông	QT Du lịch - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	1.060.000	5	5.300.000
483	DTZ1655281020010	Hoàng Văn	Nam	15/05/1999	Giáy	QT Du lịch - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	1.060.000	5	5.300.000
484	DTZ1752528102055	Nông Thị	Oanh	01/09/1999	Tày	QT Du lịch - K15	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	1.060.000	5	5.300.000
485	DTZ1752528102046	Nguyễn Thị Hồng	Tươi	01/01/1999	Tày	QT Du lịch - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	1.060.000	5	5.300.000
486	DTZ1752528102050	Hà Thị	Thào	20/12/1998	Thái	QT Du lịch - K15	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	1.060.000	5	5.300.000
487	DTZ1752528102054	Giàng A	Vàng	15/02/1999	Hơ mông	QT Du lịch - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	1.060.000	5	5.300.000
488	DTZ1857810103003	Pon Vinh	Bảo	13/08/2000	Giáy	QT Du lịch A - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	1.060.000	5	5.300.000
489	DTZ1857810103004	Lủ Thị	Chăm	07/07/2000	Giáy	QT Du lịch A - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	1.060.000	5	5.300.000
490	DTZ1857810103006	Vừ A	Chi	20/10/2000	Hơ mông	QT Du lịch A - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	1.060.000	5	5.300.000
491	DTZ1857810103010	Nông Dinh	Du	12/11/2000	Tày	QT Du lịch A - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	1.060.000	5	5.300.000
492	DTZ1857810103009	Và Thị	Dợ	07/03/2000	Mông	QT Du lịch A - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	1.060.000	5	5.300.000
493	DTZ1857810103011	Vàng A	Dựa	01/05/2000	Mông	QT Du lịch A - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	1.060.000	5	5.300.000
494	DTZ1857810103015	Phùng Thị	Ghén	24/12/2000	Dao	QT Du lịch A - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	1.060.000	5	5.300.000
495	DTZ1857810103017	Lương Thị Thu	Hà	22/05/2000	Tày	QT Du lịch A - K16	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	1.060.000	5	5.300.000
496	DTZ1857810103023	Hà Thị	Huệ	16/03/2000	Tày	QT Du lịch A - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	1.060.000	5	5.300.000
497	DTZ1857810103088	Lý Thị	Liên	08/11/1999	Dao	QT Du lịch A - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	1.060.000	5	5.300.000
498	DTZ1857810103031	Lương Thị Bảo	Ngọc	08/12/2000	Tày	QT Du lịch A - K16	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	1.060.000	5	5.300.000
499	DTZ1857810103040	Quảng Văn	Tam	14/06/2000	Thái	QT Du lịch A - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	1.060.000	5	5.300.000
500	DTZ1857810103044	Nông Thị	Trang	20/11/2000	Tày	QT Du lịch A - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	1.060.000	5	5.300.000
501	DTZ1857810103049	Sùng Thị	Vân	14/06/2000	Mông	QT Du lịch A - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	1.060.000	5	5.300.000
502	DTZ1857810103075	Trần Thị Trà	My	04/04/2000	Nùng	QT Du lịch B - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	1.060.000	5	5.300.000
503	DTZ1857810103101	Trần Hoàng	Long	23/09/2000	Nùng	QT Du lịch B - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	1.060.000	5	5.300.000

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ ĐỆM	TÊN	NGÀY SINH	DÂN TỘC	LỚP VÀ KHÓA HỌC	DỐI TƯỢNG	Số tiền /tháng	Số tháng	Thành tiền
504	DTZ1957810103039	Pờ Gà	Tư	20/02/2000	La bu	QT Du lịch A - K17	Dân tộc rất ít người ở vùng đặc biệt KK	1.060.000	5	5.300.000
505	DTZ1957810103016	Lù Thị	Phương	23/03/2001	Nùng	QT Du lịch A - K17	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	1.060.000	5	5.300.000
506	DTZ1957810103061	Mua Thị	Chờ	09/11/2000	Mông	QT Du lịch B - K17	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	1.060.000	5	5.300.000
507	DTZ1957810103092	Giàng Thị	Duyên	20/10/2000	Mông	QT Du lịch B - K17	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	1.060.000	5	5.300.000
508	DTZ1957810103074	Nguyễn Thị Diệu	Linh	05/01/2001	Kinh	QT Du lịch B - K17	Con thương binh - Có công với CM	1.060.000	5	5.300.000
509	DTZ1957810103100	Quan Thu	Sim	07/10/2001	Tày	QT Du lịch B - K17	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	1.060.000	5	5.300.000
510	DTZ1957810103107	Liêu Thu	Yến	27/03/2001	Nùng	QT Du lịch B - K17	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	1.060.000	5	5.300.000
511	DTZ1957810103094	Nguyễn Văn	Dương	26/05/2001	Tày	QT Du lịch B - K17	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	1.060.000	5	5.300.000
512	DTZ1957810103095	Ma Thị	Linh	27/06/2001	Tày	QT Du lịch B - K17	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	1.060.000	5	5.300.000
Tổng cộng										2.343.000.000

**Danh sách gồm 512 sinh viên.*

Nhóm ngành TN 76

Nhóm ngành XH 436

Thái Nguyên, ngày tháng 5 năm 2020

NGƯỜI LẬP BIỂU

ThS. Nguyễn Hoàng

DANH SÁCH SINH VIÊN K 14, 15, 16, 17 ĐƯỢC GIẢM 70% HỌC PHÍ HỌC KỲ II NĂM HỌC 2019 - 2020

(Kèm theo Quyết định số 299/QĐ-ĐHKH, ngày 20 tháng 5 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học)

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	DÂN TỘC	LỚP VÀ KHÓA HỌC	ĐỐI TƯỢNG	Số tiền /tháng	Số tháng	Thành tiền
1	DTZ1652203100002	Lương Văn	Phụng	11/10/1998	Tày	Lịch Sử - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
2	DTZ1752220201004	Dương Trọng	Huân	15/09/1996	Dao	Tiếng Anh DL - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
3	DTZ1752220201024	Tào Hoàng	Sương	02/12/1998	Tày	Tiếng Anh DL - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
4	DTZ1752220201020	Hoàng Thị	Trám	28/03/1999	Tày	Tiếng Anh DL - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
5	DTZ1857220201008	Giảng Thị	Hoa	30/12/1999	Hơ mông	Tiếng Anh DL - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
6	DTZ1857220201030	Hoàng Thị	Thuyết	06/12/1998	Tày	Tiếng Anh DL - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
7	DTZ1957220201034	Lô Khương	Duy	23/01/2001	Nùng	Tiếng Anh DL - K17	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
8	DTZ1957220201013	Nông Thị Tuyết	Nhi	20/11/2000	Tày	Tiếng Anh DL - K17	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
9	DTZ1957220201046	Hoàng Thị	Thơm	24/02/2001	Tày	Tiếng Anh DL - K17	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
10	DTZ1655104010005	Dặng Mùi	Dắt	29/09/1998	Dao	CoN Kỹ thuật Hóa - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	742.000	5	3.710.000
11	DTZ1657601010034	Lý Thảo	Anh	13/05/1998	Tày	Công tác XH - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
12	DTZ1657601010112	Nông Thị Ngọc	Ánh	22/04/1997	Tày	Công tác XH - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
13	DTZ1657601010057	Nông Thị Kim	Cúc	20/12/1998	Nùng	Công tác XH - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
14	DTZ1657601010098	Chùng Seo	Dẫn	01/01/1991	Nùng	Công tác XH - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
15	DTZ1657601010097	Dương Thị	Diễn	20/06/1997	Tày	Công tác XH - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
16	DTZ1657601010038	Chang A	Dũng	15/03/1998	Mông	Công tác XH - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
17	DTZ1657601010064	Giảng A	Dũng	12/02/1998	Mông	Công tác XH - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
18	DTZ1657601010096	Hoàng Đình	Huân	11/07/1998	Tày	Công tác XH - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
19	DTZ1657601010032	Chấn Thị	Hường	15/05/1998	Nùng	Công tác XH - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
20	DTZ1657601010049	Hoàng Thị	Hường	07/01/1998	Tày	Công tác XH - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
21	DTZ1657601010092	Lý Thanh	Kiểm	03/09/1998	Tày	Công tác XH - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
22	DTZ1657601010043	Hờ A	Lồng	06/07/1998	H Mông	Công tác XH - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
23	DTZ1657601010134	Lý Thị Lưu	Luyến	26/02/1997	Nùng	Công tác XH - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
24	DTZ1657601010013	Bạch Công	Minh	13/09/1998	Mường	Công tác XH - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
25	DTZ1657601010127	Diêu Văn	Mời	04/06/1997	Thái	Công tác XH - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
26	DTZ1657601010051	Chu Phò	Na	18/02/1998	Hà nhĩ	Công tác XH - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	DÂN TỘC	LỚP VÀ KHÓA HỌC	ĐỐI TƯỢNG	Số tiền /tháng	Số tháng	Thành tiền
27	DTZ1657601010093	Hoàng Thị	Nhất	18/11/1997	Dao	Công tác XH - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
28	DTZ1657601010030	Lù Thị	Phương	14/12/1998	Nùng	Công tác XH - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
29	DTZ1657601010138	Pờ Ha	Po	06/08/1998	Hà nhĩ	Công tác XH - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
30	DTZ1657601010075	Sùng Xừ	Pư	08/01/1998	Hà nhĩ	Công tác XH - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
31	DTZ1657601010015	Nông Thị Thu	Thảo	16/08/1996	Tày	Công tác XH - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
32	DTZ1657601010115	Tráng A	Thống	06/07/1996	Mông	Công tác XH - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
33	DTZ1657601010029	Giảng Thị	Thu	23/03/1997	Mông	Công tác XH - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
34	DTZ1657601010023	Lù Thị Thân	Thương	28/04/1998	Thái	Công tác XH - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
35	DTZ1657601010041	Hoàng Thị	Trang	06/11/1998	Dao	Công tác XH - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
36	DTZ1657601010107	La Thị	Trang	30/08/1996	Tày	Công tác XH - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
37	DTZ1657601010045	Lô Văn	Trương	25/11/1996	Tày	Công tác XH - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
38	DTZ1657601010113	Hạng A	Tùng	11/06/1997	Hơ mông	Công tác XH - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
39	DTZ1657601010021	Nguyễn Quang	Tùng	13/08/1998	Tày	Công tác XH - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
40	DTZ1657601010054	Lò Thị	Xuân	20/11/1998	Thái	Công tác XH - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
41	DTZ1657601010142	Lục Thị	Xuân	16/07/1998	Nùng	Công tác XH - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
42	DTZ1657601010123	Lềng Thị	Yến	27/08/1998	Thái	Công tác XH - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
43	DTZ1752760101013	Nông Văn	Chương	01/02/1988	Tày	Công tác XH - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
44	DTZ1752760101055	Lò Mi	Đo	12/09/1999	Hà nhĩ	Công tác XH - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
45	DTZ1752760101048	Lý Khừ	Đe	20/08/1999	Hà nhĩ	Công tác XH - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
46	DTZ1752760101019	Tán Thị	Điều	15/07/1999	Dao	Công tác XH - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
47	DTZ1752760101074	Thảo Thị	Gánh	08/09/1999	Mông	Công tác XH - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
48	DTZ1752760101069	Đào Thị	Hoa	30/11/1998	Mông	Công tác XH - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
49	DTZ1752760101010	Vàng Thị Thúy	Hương	28/01/1998	Thái	Công tác XH - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
50	DTZ1752760101027	Lục Thị	Khiêm	11/06/1998	Tày	Công tác XH - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
51	DTZ1752760101053	Vừ A	Lệnh	22/05/1998	Mông	Công tác XH - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
52	DTZ1752760101035	Là Bích	Liễu	14/09/1999	Tày	Công tác XH - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
53	DTZ1752760101036	Triệu Thị	Loan	01/02/1999	Dao	Công tác XH - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
54	DTZ1752760101020	Vàng Sứ	Lợi	01/02/1999	Pa di	Công tác XH - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
55	DTZ1752760101080	Hoàng Văn	Lý	13/11/1998	Sán Chí	Công tác XH - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
56	DTZ1752760101039	Quảng Thị	Mai	21/01/1999	Thái	Công tác XH - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
57	DTZ1752760101018	Khoảng Thị	Nghiêm	07/01/1999	Thái	Công tác XH - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
58	DTZ1752760101049	Sính Thị	Pà	07/08/1999	Mông	Công tác XH - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	DÂN TỘC	LỚP VÀ KHÓA HỌC	ĐỐI TƯỢNG	Số tiền /tháng	Số tháng	Thành tiền
59	DTZ1752760101006	Bạc Cẩm	Phúc	24/10/1999	Thái	Công tác XH - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
60	DTZ1752760101079	Nông Hoàng	Thị	17/08/1999	Tày	Công tác XH - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
61	DTZ1752760101017	Lò Thị	Trang	21/05/1999	Thái	Công tác XH - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
62	DTZ1752760101008	Dương Bích	Vân	11/06/1998	Dao	Công tác XH - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
63	DTZ1857760101001	Lương Tuấn	Anh	04/11/1998	Tày	Công tác XH - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
64	DTZ1857760101003	Giàng A	Chanh	08/10/2000	Hơ mông	Công tác XH - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
65	DTZ1857760101008	Lò Thị	Hà	12/01/2000	Thái	Công tác XH - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
66	DTZ1857760101049	Vàng A	Hào	20/05/2000	Hơ mông	Công tác XH - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
67	DTZ1857760101012	Đàm Chu	Hậu	11/05/1996	Tày	Công tác XH - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
68	DTZ1857760101015	Giàng Thị	Huế	26/12/2000	Mông	Công tác XH - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
69	DTZ1857760101014	Hoàng Thị	Hoài	19/10/2000	Tày	Công tác XH - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
70	DTZ1857760101019	Lèo Văn	Mạnh	10/05/2000	Thái	Công tác XH - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
71	DTZ1857760101032	Lãnh Văn	Quý	29/10/2000	Tày	Công tác XH - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
72	DTZ1857760101036	Lường Thị	Thảo	10/10/2000	Lào	Công tác XH - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
73	DTZ1857760101039	Hoàng Thị	Thùy	12/07/1999	Tày	Công tác XH - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
74	DTZ1957760101007	Lý Thị	Dã	20/05/2001	Mông	Công tác XH - K17	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
75	DTZ1957760101016	Sùng Thị	Đề	05/08/2001	Hơ mông	Công tác XH - K17	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
76	DTZ1957760101021	Hoàng Quỳnh	Diệp	25/05/2001	Tày	Công tác XH - K17	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
77	DTZ1957760101019	Ma Thị	Hạnh	07/08/2001	Tày	Công tác XH - K17	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
78	DTZ1957760101013	Quảng Văn	Long	16/11/2001	Thái	Công tác XH - K17	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
79	DTZ1957760101001	Châu Thị	Rô	26/07/2000	Hơ mông	Công tác XH - K17	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
80	DTZ1957760101006	Lường Văn	Thành	22/11/2001	Thái	Công tác XH - K17	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
81	DTZ1957760101003	Tô Thị Huyền	Trang	21/09/2001	Tày	Công tác XH - K17	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
82	DTZ1957760101017	Má Thị Thanh	Xuân	04/12/2000	Hơ mông	Công tác XH - K17	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
83	DTZ1653404010016	Hoàng Thị	Hiền	08/04/1998	Nùng	KH Quản lý - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
84	DTZ1653404010029	Lộc Thị	Hương	24/02/1996	Nùng	KH Quản lý - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
85	DTZ1653404010036	Bản Tồn	Khé	28/10/1998	Dao	KH Quản lý - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
86	DTZ1653404010012	Nông Thị	Kiều	18/09/1998	Tày	KH Quản lý - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
87	DTZ1653404010020	Lò Thị	Là	26/06/1998	Thái	KH Quản lý - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
88	DTZ1653404010023	Nông Thị	Linh	08/07/1997	Nùng	KH Quản lý - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
89	DTZ1653404010034	Hoàng Thị	Xuyến	29/06/1998	Tày	KH Quản lý - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
90	DTZ1752340401009	Hoàng Văn	Bình	26/02/1999	Nùng	KH Quản lý - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000



STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	DÂN TỘC	LỚP VÀ KHÓA HỌC	ĐỐI TƯỢNG	Số tiền /tháng	Số tháng	Thành tiền
91	DTZ1752340401003	Ngọc Văn	Doàn	03/03/1999	Nùng	KH Quản lý - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
92	DTZ1752340401006	Giảng Thị	Ghênh	18/03/1999	Mông	KH Quản lý - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
93	DTZ1752340401021	Lầu Bá	Hùa	30/06/1999	Hơ mông	KH Quản lý - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
94	DTZ1752340401007	Sùng Thị	Pàng	24/09/1998	Mông	KH Quản lý - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
95	DTZ1752340401020	Nguyễn Thiên	Son	08/03/1999	Tày	KH Quản lý - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
96	DTZ1857340401004	Sôi Thu	Hà	10/04/2000	Thái	KH Quản lý - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
97	DTZ1857340401008	Giảng A	Minh	07/10/2000	Mông	KH Quản lý - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
98	DTZ1857340401013	Lý Thị Kim	Oanh	02/09/2000	Tày	KH Quản lý - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
99	DTZ1957340401013	Nông Thị	Chang	10/07/2001	Tày	KH Quản lý - K17	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
100	DTZ1957340401017	Lại Thu	Hoài	01/01/2001	Sán Diu	KH Quản lý - K17	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
101	DTZ1957340401016	Trần Thị	Huế	13/04/2001	Sán Chí	KH Quản lý - K17	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
102	DTZ1957340401034	Đặng Thu	Huyền	09/04/2001	Dao	KH Quản lý - K17	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
103	DTZ1957340401003	Hoàng Thị Thu	Kiều	21/06/2001	Nùng	KH Quản lý - K17	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
104	DTZ1957340401032	Sùng Thị	Linh	05/11/2001	Mông	KH Quản lý - K17	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
105	DTZ1957340401022	Đinh Thị Hồng	Vân	11/01/2001	Tày	KH Quản lý - K17	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
106	DTZ1957340401014	Lường Thế	Vinh	11/06/2001	Tày	KH Quản lý - K17	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
107	DTZ1653801010079	Lờ A	Của	13/07/1997	Hơ mông	Luật A - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
108	DTZ1653801010033	Thào A	Dinh	20/07/1998	Hơ mông	Luật A - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
109	DTZ1653801010067	Mông Thị Ngọc	Diễm	27/01/1998	Tày	Luật A - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
110	DTZ1653801010015	Lò Văn	Đổng	19/10/1998	Thái	Luật A - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
111	DTZ1653801010083	Giảng Thìn	Hai	04/03/1997	Mông	Luật A - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
112	DTZ1653801010002	Vương Nhật	Minh	30/04/1998	Tày	Luật A - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
113	DTZ1653801010065	Lù Thị	Nhung	15/06/1998	Nùng	Luật A - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
114	DTZ1653801010044	Lù Thị	Phượng	15/08/1998	Thái	Luật A - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
115	DTZ1653801010009	Lò Văn	Son	12/10/1996	Thái	Luật A - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
116	DTZ1653801010080	Mào Thanh	Son	17/12/1998	Thái	Luật A - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
117	DTZ1653801010060	Đặng Tiến	Sinh	04/09/1998	Dao	Luật A - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
118	DTZ1653801010081	Triệu Thanh	Tuyền	07/09/1998	Nùng	Luật A - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
119	DTZ1653801010030	Đặng Thị Kiều	Trinh	15/06/1998	Dao	Luật A - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
120	DTZ1653801010094	Nguyễn Thị	Bình	02/07/1998	Tày	Luật B - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
121	DTZ1653801010137	Giảng A	Của	28/02/1998	Mông	Luật B - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
122	DTZ1653801010114	Hoàng Khánh	Linh	06/09/1998	Nùng	Luật B - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	DÂN TỘC	LỚP VÀ KHÓA HỌC	ĐỐI TƯỢNG	Số tiền /tháng	Số tháng	Thành tiền
123	DTZ1653801010176	Giàng Mí	Sinh	01/02/1998	Hơ mông	Luật B - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
124	DTZ1653801010147	Lâm Hoàng	Thái	02/11/1997	Tày	Luật B - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
125	DTZ1653801010125	Nông Đình	Thái	23/06/1998	Tày	Luật B - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
126	DTZ1653801010177	Hoàng Văn	Thương	10/06/1995	Tày	Luật B - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
127	DTZ1653801010160	Nguyễn Thị	Thủy	04/03/1998	Mường	Luật B - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
128	DTZ1653801010133	Hoàng Thị Huyền	Trang	24/09/1998	Tày	Luật B - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
129	DTZ1653801010162	Hoàng Thị	Uyên	10/01/1997	Tày	Luật B - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
130	DTZ1653801010148	Trần Thị Thúy	Vĩnh	25/07/1998	Tày	Luật B - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
131	DTZ1653801010233	Giàng Thị	Bằng	25/08/1998	Mông	Luật C - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
132	DTZ1653801010229	Sùng Thị	Chu	10/03/1998	Mông	Luật C - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
133	DTZ1653801010236	Sùng A	Chú	08/12/1997	Mông	Luật C - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
134	DTZ1653801010250	Nguyễn Văn	Đài	11/03/1998	Tày	Luật C - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
135	DTZ1653801010201	Bùi Trung	Đức	02/01/1997	Mường	Luật C - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
136	DTZ1653801010262	Hoàng Thị	Hiền	13/09/1998	Tày	Luật C - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
137	DTZ1653801010207	Riêu Thị	Loan	16/11/1998	Tày	Luật C - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
138	DTZ1653801010243	Hoàng Văn	Mạnh	20/11/1998	Tày	Luật C - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
139	DTZ1653801010261	Nông Thủy	Na	24/02/1998	Tày	Luật C - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
140	DTZ1653801010234	Lù Seo	Sấn	19/06/1997	Mông	Luật C - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
141	DTZ1653801010186	Lành Văn	Sang	16/05/1997	Tày	Luật C - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
142	DTZ1653801010219	Ma Hương	Thủy	21/08/1997	Tày	Luật C - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
143	DTZ1653801010217	Vàng Mí	Và	10/12/1998	Mông	Luật C - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
144	DTZ1653801010348	Sùng A	Cá	15/03/1998	Mông	Luật D - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
145	DTZ1653801010317	Hoàng Minh	Công	15/08/1998	Nùng	Luật D - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
146	DTZ1653801010360	Quan Kiên	Cường	22/12/1998	Tày	Luật D - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
147	DTZ1653801010284	Mùa Thị	Dí	07/04/1998	Hơ mông	Luật D - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
148	DTZ1653801010299	Dâm Thị	Điệp	27/07/1998	Tày	Luật D - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
149	DTZ1653801010280	Hạng Thị	Đinh	20/12/1998	Hơ mông	Luật D - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
150	DTZ1653801010281	Vàng Thị	Doan	30/10/1997	Thái	Luật D - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
151	DTZ1653801010326	Lù Thị	Dung	10/11/1998	Nùng	Luật D - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
152	DTZ1653801010303	Hoàng Thị	Hương	07/12/1998	Nùng	Luật D - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
153	DTZ1653801010330	Phan Thị Mai	Hương	16/04/1997	Nùng	Luật D - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
154	DTZ1653801010278	Chầu Thị	Nguyệt	04/04/1998	Tày	Luật D - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	DÂN TỘC	LỚP VÀ KHÓA HỌC	ĐỐI TƯỢNG	Số tiền /tháng	Số tháng	Thành tiền
155	DTZ1653801010355	Hoàng Thủy	Nường	26/08/1998	Nùng	Luật D - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
156	DTZ1653801010340	Nông Thị Bích	Phương	18/08/1998	Tày	Luật D - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
157	DTZ1653801010354	Phan Thu	Thảo	23/01/1996	Tày	Luật D - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
158	DTZ1653801010309	Ma Quang	Trung	13/09/1998	Mông	Luật D - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
159	DTZ1653801010295	Thùng Thị Hải	Yến	13/05/1998	Thái	Luật D - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
160	DTZ1653801010324	Sùng A	Và	20/11/1998	Hơ mông	Luật D - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
161	DTZ1653801010296	Phan Văn	Vinh	28/10/1998	Thái	Luật D - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
162	DTZ1653801010417	Vừ A	Chá	06/01/1998	Mông	Luật E - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
163	DTZ1653801010432	Phan Quốc	Đồ	15/02/1997	Nùng	Luật E - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
164	DTZ1653801010422	Cầm Bá	Đức	24/12/1998	Thái	Luật E - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
165	DTZ1653801010376	Lò Văn	Đức	27/07/1998	Lào	Luật E - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
166	DTZ1653801010406	Đặng Văn	Hải	11/06/1998	Dao	Luật E - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
167	DTZ1653801010411	Vì Thị	Hằng	11/04/1998	Mông	Luật E - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
168	DTZ1653801010379	Hoàng Thu	Hoài	25/12/1998	Tày	Luật E - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
169	DTZ1653801010394	Hoàng Văn	Hưng	04/10/1998	Tày	Luật E - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
170	DTZ1653801010363	Hoàng Hải	Lược	26/02/1998	Tày	Luật E - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
171	DTZ1653801010361	Hòa Đình	Lưu	23/08/1998	Tày	Luật E - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
172	DTZ1653801010449	Vĩ Đức	Mạnh	14/05/1998	Tày	Luật E - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
173	DTZ1653801010398	Bế Thị	Nha	13/10/1998	Nùng	Luật E - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
174	DTZ1653801010365	Vương Thị	Nhung	05/09/1998	Nùng	Luật E - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
175	DTZ1653801010420	Lục Thị Tùng	Oanh	21/03/1997	Giáy	Luật E - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
176	DTZ1653801010446	Giàng Thị	Pơ	01/07/1996	Mông	Luật E - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
177	DTZ1653801010377	Lò Văn	Quân	05/06/1998	Thái	Luật E - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
178	DTZ1653801010385	Phé A	Sang	16/10/1998	Mông	Luật E - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
179	DTZ1653801010375	Lò Thị	Thỏa	17/05/1998	Thái	Luật E - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
180	DTZ1653801010439	Ma Toàn	Trung	17/09/1997	Tày	Luật E - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
181	DTZ1653801010367	Nông Thị Thanh	Tú	26/01/1998	Tày	Luật E - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
182	DTZ1653801010373	Giàng A	Vàng	12/10/1998	Mông	Luật E - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
183	DTZ1653801010390	Nông Văn	Vinh	26/02/1998	Nùng	Luật E - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
184	DTZ1653801010506	Khang Thị	Bla	04/04/1998	Hơ mông	Luật F - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
185	DTZ1653801010453	Lò Văn	Cường	19/05/1997	Giáy	Luật F - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
186	DTZ1653801010479	Lường Văn	Dường	13/08/1998	Thái	Luật F - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	DÂN TỘC	LỚP VÀ KHÓA HỌC	ĐỐI TƯỢNG	Số tiền /tháng	Số tháng	Thành tiền
187	DTZ1653801010472	Trần Thị	Dương	23/07/1998	Nùng	Luật F - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
188	DTZ1653801010498	Giàng A	Giàng	27/11/1998	Hơ mông	Luật F - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
189	DTZ1653801010505	Lành Minh	Hoàn	12/08/1998	Nùng	Luật F - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
190	DTZ1653801010460	Vì Nhật	Lệ	14/07/1998	Tày	Luật F - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
191	DTZ1653801010509	Giàng Thị	Mây	20/03/1997	Mông	Luật F - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
192	DTZ1653801010487	Giàng A	Nhia	02/09/1998	Mông	Luật F - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
193	DTZ1653801010467	Trương Thị	Như	16/12/1997	Nùng	Luật F - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
194	DTZ1653801010477	Đinh Hồng	Quân	01/04/1998	Tày	Luật F - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
195	DTZ1653801010471	Nguyễn Thị	Quê	06/01/1998	Tày	Luật F - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
196	DTZ1653801010500	Đinh Văn	Thị	12/06/1998	Mường	Luật F - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
197	DTZ1653801010510	Mùa Xuân	Xênh	25/06/1997	Mông	Luật F - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
198	DTZ1653801010511	Giàng A	Trầu	02/03/1996	Mông	Luật F - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
199	DTZ1653801010501	Lò Thị	Võ	31/10/1998	Thái	Luật F - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
200	DTZ1752380101032	Mông Ngọc	Bích	03/05/1999	Tày	Luật A - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
201	DTZ1752380101085	Thào Thị	Dinh	15/06/1999	Hơ mông	Luật A - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
202	DTZ1752380101034	Nông Bích	Hảo	19/07/1999	Nùng	Luật A - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
203	DTZ1752380101025	Giàng A	Hiều	01/12/1998	Hà nhi	Luật A - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
204	DTZ1752380101055	Phạm Văn	Hiếu	11/02/1999	Tày	Luật A - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
205	DTZ1752380101083	Vàng A	Khái	03/03/1999	Hơ mông	Luật A - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
206	DTZ1752380101001	Triệu Đức	Khiêm	30/04/1999	Dao	Luật A - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
207	DTZ1752380101039	Chèo Kin	Phổng	27/06/1998	Dao	Luật A - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
208	DTZ1752380101024	Hoàng Văn	Quang	19/08/1999	Tày	Luật A - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
209	DTZ1752380101036	Lò Văn	Tùng	14/05/1999	Thái	Luật A - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
210	DTZ1752380101002	Giàng A	Thào	05/09/1998	Mông	Luật A - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
211	DTZ1752380101060	Hoàng Thị	Thảo	13/11/1999	Nùng	Luật A - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
212	DTZ1752380101048	Hà Thị	Thùy	02/06/1999	Tày	Luật A - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
213	DTZ1752380101171	Giàng A	Cang	10/03/1996	Mông	Luật B - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
214	DTZ1752380101123	Giàng A	Cử	18/10/1998	Mông	Luật B - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
215	DTZ1752380101177	Nông Thị Kim	Cúc	20/09/1999	Tày	Luật B - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
216	DTZ1752380101184	Dịch Xuân	Cương	25/10/1999	Nùng	Luật B - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
217	DTZ1752380101160	Nông Kiều	Diễm	01/04/1999	Nùng	Luật B - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
218	DTZ1752380101173	Lò Thị	Dung	08/03/1999	Mông	Luật B - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	DÂN TỘC	LỚP VÀ KHÓA HỌC	ĐỐI TƯỢNG	Số tiền /tháng	Số tháng	Thành tiền
219	DTZ1752380101189	Bàn Thị	Hà	27/07/1999	Dao	Luật B - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
220	DTZ1752380101197	Chu Mi	Hoa	24/05/1999	Hà nhi	Luật B - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
221	DTZ1752380101133	Phạm Nhật	Hoàng	02/10/1999	Tày	Luật B - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
222	DTZ1752380101115	Chu Bích	Huyền	23/08/1999	Nùng	Luật B - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
223	DTZ1752380101149	Lầu Thị	Lan	09/02/1999	Mông	Luật B - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
224	DTZ1752380101143	Sùng A	Lừ	14/10/1998	Mông	Luật B - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
225	DTZ1752380101134	Hoàng Ngọc	Oánh	04/01/1998	Tày	Luật B - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
226	DTZ1752380101121	Hàng A	Thắng	10/11/1999	Hơ mông	Luật B - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
227	DTZ1752380101128	La Thị	Thom	07/01/1999	Nùng	Luật B - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
228	DTZ1752380101179	Chu Minh	Tuyên	28/01/1999	Tày	Luật B - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
229	DTZ1752380101151	Thào Thị	Vân	10/09/1999	Mông	Luật B - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
230	DTZ1752380101199	Lưu Hoàng	Anh	25/04/1998	Tày	Luật C - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
231	DTZ1752380101250	Giảng A	Bồn	29/09/1999	Mông	Luật C - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
232	DTZ1752380101269	Sùng A	Câu	10/02/1999	Mông	Luật C - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
233	DTZ1752380101210	Hạng Thị	Cha	12/05/1999	Mông	Luật C - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
234	DTZ1752380101227	Lý A	Chua	19/09/1998	Mông	Luật C - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
235	DTZ1752380101237	Lò Thị	Lâm	23/04/1999	Thái	Luật C - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
236	DTZ1752380101243	Triệu Quý	Lương	24/04/1999	Dao	Luật C - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
237	DTZ1752380101252	Sông Thị	Le	11/10/1999	Mông	Luật C - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
238	DTZ1752380101246	Vy Thị	Lịch	19/09/1999	Nùng	Luật C - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
239	DTZ1752380101223	Nông Thị Hương	Mai	28/05/1999	Tày	Luật C - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
240	DTZ1752380101230	Ngô Thế	Ngư	31/08/1998	Tày	Luật C - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
241	DTZ1752380101262	Lường Hà Hương	Sắc	01/01/1999	Tày	Luật C - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
242	DTZ1752380101242	Lò Văn	Thao	25/04/1998	Thái	Luật C - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
243	DTZ1752380101229	Châu Thị Mỹ	Thêu	28/08/1999	Tày	Luật C - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
244	DTZ1752380101239	Hồ Thị	Tinh	03/04/1999	Mông	Luật C - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
245	DTZ1752380101222	Bán Văn	Tùng	30/07/1999	Dao	Luật C - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
246	DTZ1752380101256	Giảng Hùng	Vương	18/08/1996	Mông	Luật C - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
247	DTZ1752380101263	Lò Thị Hải	Yến	01/05/1999	Thái	Luật C - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
248	DTZ1752380101203	Và A	Chu	18/08/1999	Mông	Luật D - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
249	DTZ1752380101027	Cháng Văn	Cường	11/04/1997	Nùng	Luật D - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
250	DTZ1752380101030	Lý Văn	Diết	23/01/1999	Dao	Luật D - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000



STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	DÂN TỘC	LỚP VÀ KHÓA HỌC	ĐỐI TƯỢNG	Số tiền /tháng	Số tháng	Thành tiền
251	DTZ1752380101304	Thảo A	Dịa	12/05/1998	Hơ mông	Luật D - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
252	DTZ1752380101289	Nguyễn Hồng	Hạnh	25/04/1998	Nùng	Luật D - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
253	DTZ1752380101255	Lương Thị	Hoa	04/06/1997	Tày	Luật D - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
254	DTZ1752380101198	Bản Phúc	Huy	01/04/1994	Dao	Luật D - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
255	DTZ1752380101283	Mùa A	Kỳ	25/03/1998	Hơ mông	Luật D - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
256	DTZ1752380101305	Vàng Xảo	Quảng	05/08/1998	Mông	Luật D - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
257	DTZ1752380101113	Hoàng Minh	Tuấn	11/04/1998	Tày	Luật D - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
258	DTZ1857380101215	Hoàng Tuấn	Anh	30/04/1998	Nùng	Luật A - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
259	DTZ1857380101008	Tòng Khánh	Đức	20/08/2000	Thái	Luật A - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
260	DTZ1857380101011	Lù Văn	Dương	13/01/2000	Giáy	Luật A - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
261	DTZ1857380101198	Lò Văn	Hiệp	20/05/2000	Thái	Luật A - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
262	DTZ1857380101016	Phương Thế	Hoàng	06/06/2000	Nùng	Luật A - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
263	DTZ1857380101017	Trần Duyên	Hồng	14/10/2000	Sán Chí	Luật A - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
264	DTZ1857380101028	Nông Ngọc	Huy	17/03/1999	Nùng	Luật A - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
265	DTZ1857380101029	Hà Thị Thu	Huyền	04/06/2000	Tày	Luật A - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
266	DTZ1857380101030	Lường Thị Thu	Huyền	11/10/2000	Thái	Luật A - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
267	DTZ1857380101034	Quảng Văn	Khánh	24/11/1999	Thái	Luật A - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
268	DTZ1857380101035	Vàng A	Khu	01/01/2000	Mông	Luật A - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
269	DTZ1857380101038	Hoàng Thị	Lan	29/11/2000	Nùng	Luật A - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
270	DTZ1857380101040	Đàm Thị	Ngân	12/03/2000	Tày	Luật A - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
271	DTZ1857380101041	Tô Hồng	Ngát	23/12/2000	Tày	Luật A - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
272	DTZ1857380101043	Giàng A	Pề	08/09/2000	Mông	Luật A - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
273	DTZ1857380101045	Sùng A	Phong	03/02/1998	Mông	Luật A - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
274	DTZ1857380101049	Hờ Sùng	Pô	14/02/2000	Mông	Luật A - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
275	DTZ1857380101053	Giàng Thế	Quyết	04/09/1999	Mông	Luật A - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
276	DTZ1857380101056	Thảo A	Sinh	04/07/1999	Mông	Luật A - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
277	DTZ1857380101061	Lý A	Tằng	02/04/1997	Mông	Luật A - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
278	DTZ1857380101062	Triệu Ngọc	Tĩnh	28/05/1999	Nùng	Luật A - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
279	DTZ1857380101069	Ma Thị	Viên	28/06/2000	Tày	Luật A - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
280	DTZ1857380101070	Lường Văn	Vui	18/12/2000	Thái	Luật A - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
281	DTZ1857380101075	Cháng A	Chía	02/09/2000	Mông	Luật B - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
282	DTZ1857380101085	Sùng A	Dung	13/08/2000	Hơ mông	Luật B - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	DÂN TỘC	LỚP VÀ KHÓA HỌC	ĐỐI TƯỢNG	Số tiền /tháng	Số tháng	Thành tiền
283	DTZ1857380101090	Lý Thanh	Hải	16/09/1997	Mông	Luật B - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
284	DTZ1857380101201	Trương Quang	Hưng	27/05/2000	Nùng	Luật B - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
285	DTZ1857380101098	Nông Thị	Lệ	10/12/2000	Tày	Luật B - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
286	DTZ1857380101095	Sùng A	Là	20/05/2000	Mông	Luật B - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
287	DTZ1857380101097	Nguyễn Thị Thu	Lan	01/01/2000	Tày	Luật B - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
288	DTZ1857380101100	Nguyễn Tiêu	Linh	12/03/2000	Nùng	Luật B - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
289	DTZ1857380101101	Nông Thị Thùy	Linh	24/02/2000	Tày	Luật B - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
290	DTZ1857380101104	Giảng Mí	Lùng	10/10/1999	Mông	Luật B - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
291	DTZ1857380101102	Sinh Thị	Lữ	19/01/2000	Hơ mông	Luật B - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
292	DTZ1857380101105	Hoàng Văn	Lương	08/04/1999	Nùng	Luật B - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
293	DTZ1857380101110	Vũ Bà	Mua	28/12/2000	Hơ mông	Luật B - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
294	DTZ1857380101113	Hoàng Hải	Ngọc	11/09/2000	Hơ mông	Luật B - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
295	DTZ1857380101116	Lý Thị	Phượng	25/03/2000	Dao	Luật B - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
296	DTZ1857380101122	Nông Quang	Thông	07/10/2000	Tày	Luật B - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
297	DTZ1857380101121	Đình Thị	Thom	03/03/2000	Tày	Luật B - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
298	DTZ1857380101126	Lường Văn	Thuận	04/08/2000	Thái	Luật B - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
299	DTZ1857380101184	Cao Thị Hoài	Thương	13/11/2000	Tày	Luật B - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
300	DTZ1857380101128	Sân Việt	Thùy	29/03/2000	Nùng	Luật B - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
301	DTZ1857380101129	Triệu Minh	Tiến	17/10/2000	Dao	Luật B - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
302	DTZ1857380101131	Lò Văn	Toán	03/12/2000	Thái	Luật B - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
303	DTZ1857380101132	Nông Thị	Trang	01/05/2000	Tày	Luật B - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
304	DTZ1857380101135	Giảng Anh	Tuấn	29/09/1999	Mông	Luật B - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
305	DTZ1857380101137	Nông Anh	Tuấn	19/01/2000	Nùng	Luật B - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
306	DTZ1857380101138	Quảng Văn	Tuấn	15/01/2000	Thái	Luật B - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
307	DTZ1857380101153	Hoàng Hà	Giang	04/09/2000	Tày	Luật C - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
308	DTZ1857380101039	Dương Thị	Mến	14/09/2000	Nùng	Luật C - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
309	DTZ1957380101039	Lò Tuấn	Anh	16/01/2001	Thái	Luật A - K17	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
310	DTZ1957380101029	Bùi Minh	Chiến	05/08/2001	Giáy	Luật A - K17	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
311	DTZ1957380101049	Nông Minh	Dạt	04/11/2001	Tày	Luật A - K17	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
312	DTZ1957380101026	Triệu Thị Ngọc	Lan	03/12/2001	Nùng	Luật A - K17	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
313	DTZ1957380101044	Nông Thị Kim	Liên	21/11/2001	Tày	Luật A - K17	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
314	DTZ1957380101002	Phạm Thảo	Linh	29/10/2001	Caol.an	Luật A - K17	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	DÂN TỘC	LỚP VÀ KHÓA HỌC	ĐỐI TƯỢNG	Số tiền /tháng	Số tháng	Thành tiền
315	DTZ1957380101052	Quảng Thị Minh	Nguyệt	26/09/2001	Thái	Luật A - K17	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
316	DTZ1957380101032	Thào Thị	Nन्ह	29/05/2001	Mông	Luật A - K17	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
317	DTZ1957380101041	Tấn Thị	Phê	14/01/2001	Mông	Luật A - K17	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
318	DTZ1957380101014	Nghiêm Ngọc	Quỳnh	28/08/2000	Tày	Luật A - K17	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
319	DTZ1957380101015	Giảng A	Tàng	08/07/2001	Mông	Luật A - K17	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
320	DTZ1957380101047	Thào Xuân	Tĩnh	25/04/2001	Hơ mông	Luật A - K17	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
321	DTZ1957380101118	Hoàng Thị	Vân	07/08/2001	Xuông	Luật A - K17	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
322	DTZ1957380101091	La Thị Mỹ	Duyên	04/09/2001	Tày	Luật B - K17	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
323	DTZ1957380101069	Lò Xuân	Hòa	12/03/2001	Thái	Luật B - K17	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
324	DTZ1957380101100	Đàm Phương	Oanh	14/09/2000	Tày	Luật B - K17	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
325	DTZ1957380101099	Luân Thị Ngọc	Thùy	27/09/2001	Tày	Luật B - K17	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
326	DTZ1654402170011	Hoàng Đức	Bắc	08/02/1998	Tày	Địa lý - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	742.000	5	3.710.000
327	DTZ1654402170006	Giảng Mí	Cầu	28/07/1998	Mông	Địa lý - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	742.000	5	3.710.000
328	DTZ1654403010010	Thào A	Hồng	15/08/1998	Hơ mông	KH Môi trường - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	742.000	5	3.710.000
329	DTZ1658501010030	Đàm Khánh	Linh	27/07/1998	Tày	QLTN Môi trường - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	742.000	5	3.710.000
330	DTZ1658501010021	Nông Nga	Mỹ	16/10/1998	Tày	QLTN Môi trường - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	742.000	5	3.710.000
331	DTZ1658501010035	Hoàng Văn	Sâm	05/09/1998	Thái	QLTN Môi trường - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	742.000	5	3.710.000
332	DTZ1658501010002	Trần Văn	Tuấn	12/01/1997	Giáy	QLTN Môi trường - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	742.000	5	3.710.000
333	DTZ1752850101004	Sinh Thị	Cay	12/09/1999	Hơ mông	QLTN Môi trường - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	742.000	5	3.710.000
334	DTZ1752850101006	Nông Thị Thu	Hằng	17/05/1999	Tày	QLTN Môi trường - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	742.000	5	3.710.000
335	DTZ1752850101002	Quách Thị	Lệ	16/09/1999	Tày	QLTN Môi trường - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	742.000	5	3.710.000
336	DTZ1857850101003	Lò Văn	Tĩnh	10/10/1999	Thái	QLTN Môi trường - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	742.000	5	3.710.000
337	DTZ1857850101004	Đàm Tiên	Tùng	15/10/2000	Tày	QLTN Môi trường - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	742.000	5	3.710.000
338	DTZ1957850101004	Đồng Tiên	Tuyến	10/07/2000	Tày	QLTN Môi trường - K17	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	742.000	5	3.710.000
339	DTZ1654202010002	Khả Văn	Nam	24/03/1998	Thái	CoN Sinh học - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	742.000	5	3.710.000
340	DTZ1654202010009	Nguyễn Thị	Nguyệt	18/06/1998	Tày	CoN Sinh học - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	742.000	5	3.710.000
341	DTZ1957420201007	Vương Đức	Anh	22/06/2000	Nùng	CoN Sinh học - K17	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	742.000	5	3.710.000
342	DTZ1957420201025	Lò Thị	Hoa	09/10/1999	Thái	CoN Sinh học - K17	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	742.000	5	3.710.000
343	DTZ1957420201005	Triệu Thị	Như	08/08/2001	Dao	CoN Sinh học - K17	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	742.000	5	3.710.000
344	DTZ1957420201017	Dương Thị Mến	Thương	10/09/2001	Hơ mông	CoN Sinh học - K17	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	742.000	5	3.710.000
345	DTZ1653201010029	Ma Thanh	Đức	09/12/1998	Tày	Báo chí - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
346	DTZ1653201010015	Trần Thị	Hằng	12/05/1998	Tày	Báo chí - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	DÂN TỘC	LỚP VÀ KHÓA HỌC	ĐỐI TƯỢNG	Số tiền /tháng	Số tháng	Thành tiền
347	DTZ1653201010007	Dặng Minh	Quang	13/01/1998	Sán Diu	Báo chí - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
348	DTZ1653201010013	Phan Thị Huyền	Thương	28/01/1998	Tày	Báo chí - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
349	DTZ1857320101002	Sùng Anh	Đông	01/11/1999	Hơ mông	Báo chí - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
350	DTZ1957320101012	Dương Thị Hồng	Anh	20/01/2001	Tày	Báo chí - K17	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
351	DTZ1957320101009	Đoàn Thế	Linh	17/03/2001	Tày	Báo chí - K17	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
352	DTZ1957320101005	Đàm Phan Hà	Thái	19/09/2001	Cao Lan	Báo chí - K17	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
353	DTZ1652203300001	Nông Thị Bích	Vân	01/09/1997	Tày	Văn học - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	623.000	5	3.115.000
354	DTZ1857810101075	Hoàng Công	Chế	01/01/1999	Tày	Du Lịch - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	742.000	5	3.710.000
355	DTZ1857810101007	Nguyễn Đức	Cường	02/02/2000	Tày	Du Lịch - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	742.000	5	3.710.000
356	DTZ1857810101068	Hoàng Thị	Đào	01/09/1999	Giáy	Du Lịch - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	742.000	5	3.710.000
357	DTZ1857810101014	Bùi Hoàng	Hà	29/08/2000	Tày	Du Lịch - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	742.000	5	3.710.000
358	DTZ1857810101016	Lại Quang	Hà	15/08/2000	Mường	Du Lịch - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	742.000	5	3.710.000
359	DTZ1857810101018	Vì Thị	Hậu	03/04/2000	Sán Diu	Du Lịch - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	742.000	5	3.710.000
360	DTZ1857810101025	Châu Văn	Khải	17/08/2000	Tày	Du Lịch - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	742.000	5	3.710.000
361	DTZ1857810101061	Sùng Thị	Kia	13/05/2000	Mông	Du Lịch - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	742.000	5	3.710.000
362	DTZ1857810101026	Vì Thị	Lê	17/02/2000	Nùng	Du Lịch - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	742.000	5	3.710.000
363	DTZ1857810101027	Hoàng Thị	Liều	21/05/2000	Tày	Du Lịch - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	742.000	5	3.710.000
364	DTZ1857810101078	Trần Bảo	Luân	23/11/2000	Hoa	Du Lịch - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	742.000	5	3.710.000
365	DTZ1857810101033	Sùng Thị	Máy	10/12/2000	Mông	Du Lịch - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	742.000	5	3.710.000
366	DTZ1857810101035	Hoàng Đức	Minh	04/12/1999	Tày	Du Lịch - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	742.000	5	3.710.000
367	DTZ1857810101036	Vàng Thị	Mỹ	04/08/2000	Mông	Du Lịch - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	742.000	5	3.710.000
368	DTZ1857810101039	Vàng Mí	Nô	12/02/2000	Mông	Du Lịch - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	742.000	5	3.710.000
369	DTZ1857810101041	Hà Thị	Oanh	08/05/2000	Tày	Du Lịch - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	742.000	5	3.710.000
370	DTZ1857810101049	Châu Thị	Thùy	10/11/2000	Tày	Du Lịch - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	742.000	5	3.710.000
371	DTZ1857810101051	Mùa A	Tổng	20/10/2000	Mông	Du Lịch - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	742.000	5	3.710.000
372	DTZ1957810101045	Hoàng Thị	Duyên	18/09/2001	Tày	Du Lịch - K17	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	742.000	5	3.710.000
373	DTZ1957810101029	Hoàng Thế	Đoàn	30/12/2001	Giáy	Du Lịch - K17	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	742.000	5	3.710.000
374	DTZ1957810101030	Vừ Mí	Già	01/02/2000	Hơ mông	Du Lịch - K17	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	742.000	5	3.710.000
375	DTZ1957810101026	Nông Thị	Hải	14/09/2001	Tày	Du Lịch - K17	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	742.000	5	3.710.000
376	DTZ1957810101012	Bàn Thị	Hiền	05/08/2001	Dao	Du Lịch - K17	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	742.000	5	3.710.000
377	DTZ1957810101008	Nguyễn Văn	Kiên	07/03/2001	Mường	Du Lịch - K17	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	742.000	5	3.710.000
378	DTZ1957810101025	Nguyễn Bé	Ngọc	14/12/2001	Thái	Du Lịch - K17	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	742.000	5	3.710.000
379	DTZ1957810101021	Nguyễn Hồng	Nhung	14/10/2001	Tày	Du Lịch - K17	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	742.000	5	3.710.000
380	DTZ1655281020041	Nông Thị	Chiêm	23/09/1997	Tày	QT Du lịch - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	742.000	5	3.710.000
381	DTZ1655281020029	Hoàng Mùi	Chiều	16/10/1998	Dao	QT Du lịch - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	742.000	5	3.710.000



STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	DÂN TỘC	LỚP VÀ KHÓA HỌC	ĐỐI TƯỢNG	Số tiền /tháng	Số tháng	Thành tiền
382	DTZ1655281020038	Bế Thị Ngọc	Hàn	20/06/1998	Nùng	QT Du lịch - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	742.000	5	3.710.000
383	DTZ1655281020022	Ninh Thị	Hồ	28/10/1998	Sán Chi	QT Du lịch - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	742.000	5	3.710.000
384	DTZ1655281020031	Hoàng Thị	Hương	11/09/1998	Tây	QT Du lịch - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	742.000	5	3.710.000
385	DTZ1655281020019	Dương Văn	Thắng	01/01/1998	Tây	QT Du lịch - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	742.000	5	3.710.000
386	DTZ1655281020050	Triệu Thị	Ton	05/10/1998	Dao	QT Du lịch - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	742.000	5	3.710.000
387	DTZ1655281020015	Nông Duy	Thông	12/04/1997	Tày	QT Du lịch - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	742.000	5	3.710.000
388	DTZ1655281020040	Dăng Thị	Xoan	10/07/1998	Dao	QT Du lịch - K14	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	742.000	5	3.710.000
389	DTZ1752528102068	Sinh Mí	Cơ	14/04/1999	Mông	QT Du lịch - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	742.000	5	3.710.000
390	DTZ1752528102070	Bàn Tài	Đoàn	24/10/1999	Dao	QT Du lịch - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	742.000	5	3.710.000
391	DTZ1752528102031	Quan Thị Hương	Giang	19/09/1999	Tây	QT Du lịch - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	742.000	5	3.710.000
392	DTZ1752528102048	Lèo Thị Thanh	Huyền	26/05/1997	Tày	QT Du lịch - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	742.000	5	3.710.000
393	DTZ1752528102039	Trắng Văn	Lợi	01/08/1999	Sán Chi	QT Du lịch - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	742.000	5	3.710.000
394	DTZ1752528102049	Nông Thị Diệp	Ly	18/08/1999	Tây	QT Du lịch - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	742.000	5	3.710.000
395	DTZ1752528102066	Má Thị	Máy	07/07/1999	Hơ mông	QT Du lịch - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	742.000	5	3.710.000
396	DTZ1752528102044	Hầu Thị	So	03/12/1999	Hơ mông	QT Du lịch - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	742.000	5	3.710.000
397	DTZ1655281020008	Hoàng Thị Diệu	Thư	31/01/1999	Tây	QT Du lịch - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	742.000	5	3.710.000
398	DTZ1752528102059	Mùa A	Vân	19/08/1999	Mông	QT Du lịch - K15	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	742.000	5	3.710.000
399	DTZ1857810103007	Lương Minh	Chiến	06/02/2000	Tây	QT Du lịch A - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	742.000	5	3.710.000
400	DTZ1857810103008	Lò Thị	Cương	20/05/2000	Lào	QT Du lịch A - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	742.000	5	3.710.000
401	DTZ1857810103099	Giàng Thị	Dự	13/05/1998	Mông	QT Du lịch A - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	742.000	5	3.710.000
402	DTZ1857810103014	Đinh Thị	Duyên	09/09/2000	Tây	QT Du lịch A - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	742.000	5	3.710.000
403	DTZ1857810103021	Mai Quỳnh	Hoa	05/05/2000	Tây	QT Du lịch A - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	742.000	5	3.710.000
404	DTZ1857810103020	Nguyễn Đức	Hiếu	07/08/2000	Tây	QT Du lịch A - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	742.000	5	3.710.000
405	DTZ1857810103025	Giàng Thị	Khua	23/07/2000	Hơ mông	QT Du lịch A - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	742.000	5	3.710.000
406	DTZ1857810103086	Dương Thị	Linh	08/09/2000	Bồ y	QT Du lịch A - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	742.000	5	3.710.000
407	DTZ1857810103026	Lê Triệu	Long	17/11/2000	Tây	QT Du lịch A - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	742.000	5	3.710.000
408	DTZ1857810103028	Dặng Quỳnh	Mai	18/06/1999	Dao	QT Du lịch A - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	742.000	5	3.710.000
409	DTZ1857810103034	Giàng Thị	Pà	25/01/2000	Mông	QT Du lịch A - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	742.000	5	3.710.000
410	DTZ1857810103037	Phạm Đăng	Quang	23/10/1999	Cao Lan	QT Du lịch A - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	742.000	5	3.710.000
411	DTZ1857810103039	Thào A	Sứ	05/05/1999	Hơ mông	QT Du lịch A - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	742.000	5	3.710.000
412	DTZ1857810103084	Ly A	Sa	16/03/2000	Hơ mông	QT Du lịch A - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	742.000	5	3.710.000
413	DTZ1857810103042	Nông Văn	Thanh	14/10/2000	Tây	QT Du lịch A - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	742.000	5	3.710.000
414	DTZ1857810103046	Mông Văn	Tuấn	22/12/2000	Tây	QT Du lịch A - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	742.000	5	3.710.000
415	DTZ1857810103048	Nghiều Thị	Tuyết	28/11/2000	Nùng	QT Du lịch A - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	742.000	5	3.710.000
416	DTZ1857810103064	Nông Văn	Hiếu	11/09/2000	Tây	QT Du lịch B - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	742.000	5	3.710.000

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	DÂN TỘC	LỚP VÀ KHÓA HỌC	ĐỐI TƯỢNG	Số tiền /tháng	Số tháng	Thành tiền
417	DTZ1857810103063	Triệu Hồng	Hiếu	07/10/2000	Dao	QT Du lịch B - K16	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	742.000	5	3.710.000
418	DTZ1957810103003	Lường Tiểu	Nhi	01/03/2001	Tày	QT Du lịch A - K17	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	742.000	5	3.710.000
419	DTZ1957810103101	Hồ Thị	Chơ	29/07/2000	Hơ mông	QT Du lịch B - K17	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	742.000	5	3.710.000
420	DTZ1957810103056	Hà Văn	Cương	09/06/2001	Thái	QT Du lịch B - K17	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	742.000	5	3.710.000
421	DTZ1957810103091	Lò Thị	Oanh	06/01/2001	Thái	QT Du lịch B - K17	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	742.000	5	3.710.000
422	DTZ1957810103054	Giảng Thị	Pà	05/05/2001	Mông	QT Du lịch B - K17	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	742.000	5	3.710.000
423	DTZ1957810103064	Chiu Tài	Múi	15/09/2001	Dao	QT Du lịch B - K17	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	742.000	5	3.710.000
424	DTZ1957810103075	Quách Thế	Tấn	23/01/2001	Mường	QT Du lịch B - K17	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	742.000	5	3.710.000
425	DTZ1957810103106	Cháng A	Thịnh	08/03/2001	Mông	QT Du lịch B - K17	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	742.000	5	3.710.000
426	DTZ1957810103098	Lưu Thị Tuyết	Trình	06/08/2001	Tày	QT Du lịch B - K17	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	742.000	5	3.710.000
427	DTZ1957810103108	Nguyễn Văn	Trường	05/01/1999	Tày	QT Du lịch B - K17	Dân tộc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn	742.000	5	3.710.000
Tổng cộng										1.386.035.000

**Danh sách gồm 427 sinh viên.*

Thái Nguyên, ngày tháng 5 năm 2020

Khối ngành TN 94

NGƯỜI LẬP BIỂU

Khối ngành XH 333

ThS. Nguyễn Hoàng

DANH SÁCH SINH VIÊN K14, 15, 16, 17 ĐƯỢC GIẢM 50 % HỌC PHÍ HỌC KỲ II NĂM HỌC 2019 - 2020
(Kèm theo Quyết định số 299/QĐ-ĐHKH, ngày 20 tháng 5 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học)

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	LỚP VÀ KHÓA HỌC	ĐỐI TƯỢNG	Số tiền /tháng	Số tháng	Thành tiền
1	DTZ1752720403005	Dỗ Thị Ngọc	Mai	12/02/1999	Hóa dược - K15	Cha bị Tai nạn lao động	530.000	5	2.650.000
2	DTZ1658501010001	Trần Thị Phương	Thảo	06/02/1998	QLTN Môi trường - K14	Cha bị Tai nạn lao động	530.000	5	2.650.000
3	DTZ1653801010003	Nguyễn Kim	Phượng	03/12/1998	Luật A - K14	Cha bị Tai nạn lao động	445.000	5	2.225.000
4	DTZ1653801010029	Trần Mai	Phượng	17/05/1998	Luật A - K14	Cha bị Tai nạn lao động	445.000	5	2.225.000
5	DTZ1653801010142	Nguyễn Anh	Quân	04/07/1998	Luật B - K14	Cha bị Tai nạn lao động	445.000	5	2.225.000
6	DTZ1752380101035	Trần Thúy	Hường	01/05/1998	Luật A - K15	Mẹ bị Tai nạn lao động	445.000	5	2.225.000
7	DTZ1752380101183	Nguyễn Thị Thu	Uyên	10/11/1999	Luật B - K15	Cha bị Tai nạn lao động	445.000	5	2.225.000
8	DTZ1857380101036	Hoàng Trung	Kiên	29/03/2000	Luật A - K16	Cha bị Tai nạn lao động	445.000	5	2.225.000
9	DTZ1957810101015	Vô Thị Hồng	Nhung	14/01/2001	Du Lịch - K17	Cha bị Tai nạn lao động	530.000	5	2.650.000
10	DTZ1857320101013	Hoàng Kim	Ngọc	08/04/2000	Báo chí - K16	Cha bị Tai nạn lao động	445.000	5	2.225.000
11	DTZ1752320101018	Trịnh Anh	Quân	19/09/1999	Báo chí - K15	Cha bị Tai nạn lao động	445.000	5	2.225.000
Tổng cộng									25.750.000

*Danh sách gồm 11 sinh viên.

Thái Nguyên, ngày tháng 5 năm 2020

NGƯỜI LẬP BIỂU

XH : 8

TN : 3

ThS. Nguyễn Hoàng

